



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

CÔNG BÁO

Tỉnh Đồng Nai

Số 18

Ngày 26 tháng 4 năm 2024

MỤC LỤC

Trang

VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH

15-4-2024	Nghị quyết số 02/2024/NQ-HĐND bổ sung danh mục dự án cần thu hồi đất để thực hiện quy trình lựa chọn nhà đầu tư năm 2024 trên địa bàn tỉnh Đồng Nai (lần 1)	3
-----------	---	---

VĂN BẢN PHÁP LUẬT KHÁC

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH

15-4-2024	Nghị quyết số 06/NQ-HĐND thông qua hồ sơ trình phê duyệt Quy hoạch tỉnh Đồng Nai thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050	5
15-4-2024	Nghị quyết số 07/NQ-HĐND về quyết định chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác	7
15-4-2024	Nghị quyết số 08/NQ-HĐND kéo dài thời gian bố trí vốn; kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân các dự án sử dụng vốn ngân sách tỉnh năm 2023	10
15-4-2024	Nghị quyết số 09/NQ-HĐND bổ sung Danh mục các dự án chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa năm 2024 tỉnh Đồng Nai (lần 2)	20

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

16-4-2024	Kế hoạch số 139/KH-UBND thực hiện Chiến lược quốc gia về phòng, chống tác hại của thuốc lá đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh Đồng Nai	24
16-4-2024	Kế hoạch số 142/KH-UBND thực hiện Chương trình phòng, chống ma túy trong thanh, thiếu niên đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh Đồng Nai	34

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG NAI****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 02/2024/NQ-HĐND

Đồng Nai, ngày 15 tháng 4 năm 2024

NGHỊ QUYẾT**Bổ sung danh mục dự án cần thu hồi đất để thực hiện quy trình
lựa chọn nhà đầu tư năm 2024 trên địa bàn tỉnh Đồng Nai (lần 1)****HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI
KHÓA X KỲ HỌP THỨ 16**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29 tháng 11 năm 2013;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 Luật liên quan đến quy hoạch ngày 20 tháng 11 năm 2018;

Căn cứ Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị định số 148/2020/NĐ-CP ngày 18 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị định số 25/2020/NĐ-CP ngày 28 tháng 02 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà đầu tư;

Căn cứ Nghị định số 31/2021/NĐ-CP ngày 26 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư;

Căn cứ Thông tư số 01/2021/TT-BTNMT ngày 12 tháng 4 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định kỹ thuật việc lập, điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất;

Xét Tờ trình số 23/TTr-UBND ngày 03 tháng 4 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai về dự thảo Nghị quyết bổ sung danh mục dự án cần thu hồi đất để thực hiện quy trình lựa chọn nhà đầu tư năm 2024 trên địa bàn tỉnh Đồng Nai (lần 1); Báo cáo thẩm tra số 176/BC-BKTNS ngày 10 tháng 4 năm 2024 của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thống nhất bổ sung danh mục dự án cần thu hồi đất để thực hiện quy trình lựa chọn nhà đầu tư thực hiện Dự án khu đô thị hồ Núi Le với diện tích 252,3 ha tại thị trấn Gia Ray và xã Xuân Trường, huyện Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai theo quy định tại khoản 4 Điều 108 Nghị định số 31/2021/NĐ-CP ngày 26 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Ủy ban nhân dân tỉnh có trách nhiệm tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết này. Thực hiện các trình tự, thủ tục hồ sơ đảm bảo tính chính xác, đáp ứng đầy đủ các điều kiện theo quy định tại khoản 4 Điều 108 Nghị định số 31/2021/NĐ-CP ngày 26 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ, trước khi đưa vào danh mục dự án có sử dụng đất để thực hiện các trình tự thủ tục theo quy định; lựa chọn nhà đầu tư có năng lực và kinh nghiệm để triển khai thực hiện dự án; tổ chức tuyên truyền, công bố, công khai minh bạch các dự án đầu tư có sử dụng đất để người dân biết, tạo sự đồng thuận của người dân trong quá trình triển khai thực hiện.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban Hội đồng nhân dân tỉnh, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh có trách nhiệm giám sát việc thực hiện Nghị quyết này theo quy định.

3. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh, các tổ chức thành viên giám sát và vận động Nhân dân cùng tham gia thực hiện và giám sát Nghị quyết này; phản ánh kịp thời tâm tư, nguyện vọng và kiến nghị của Nhân dân đến các cơ quan có thẩm quyền theo quy định của pháp luật.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Nai Khóa X Kỳ họp thứ 16 thông qua ngày 15 tháng 4 năm 2024 và có hiệu lực thi hành kể từ ngày 25 tháng 4 năm 2024./.

CHỦ TỊCH**Thái Bảo**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 06/NQ-HĐND

Đồng Nai, ngày 15 tháng 4 năm 2024

NGHỊ QUYẾT

**Thông qua hồ sơ trình phê duyệt Quy hoạch tỉnh Đồng Nai
thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI
KHÓA X KỲ HỌP THỨ 16**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Quy hoạch ngày 24 tháng 11 năm 2017;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 11 Luật có liên quan đến quy hoạch ngày 15 tháng 6 năm 2018; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 Luật có liên quan đến quy hoạch ngày 20 tháng 11 năm 2018;

Căn cứ Nghị quyết số 61/2022/QH15 ngày 16 tháng 6 năm 2022 của Quốc hội tiếp tục tăng cường hiệu lực, hiệu quả thực hiện chính sách, pháp luật về quy hoạch và một số giải pháp tháo gỡ khó khăn, vướng mắc, đẩy nhanh tiến độ lập và nâng cao chất lượng quy hoạch thời kỳ 2021 - 2030;

Căn cứ Nghị quyết số 81/2023/QH15 ngày 09 tháng 01 năm 2023 của Quốc hội về Quy hoạch tổng thể quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050;

Căn cứ Nghị định số 37/2019/NĐ-CP ngày 07 tháng 5 năm 2019 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Quy hoạch; Nghị định số 58/2023/NĐ-CP ngày 12 tháng 8 năm 2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của nghị định số 37/2019/NĐ-CP ngày 07 tháng 5 năm 2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của luật quy hoạch;

Căn cứ Nghị quyết số 154/NQ-CP ngày 23 tháng 11 năm 2022 của Chính phủ ban hành Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết số 24-NQ/TW ngày 07 tháng 10 năm 2022 của Bộ Chính trị về phát triển kinh tế - xã hội và bảo đảm quốc phòng, an ninh vùng Đông Nam Bộ đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045;

Căn cứ Quyết định số 463/QĐ-TTg ngày 14 tháng 4 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt nhiệm vụ lập quy hoạch vùng Đông Nam Bộ thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050;

Căn cứ Quyết định số 1016/QĐ-TTg ngày 14 tháng 7 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt nhiệm vụ lập quy hoạch tỉnh Đồng Nai thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050;

Xét Tờ trình số 27/TTr-UBND ngày 10 tháng 4 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh về Nghị quyết thông qua hồ sơ trình phê duyệt Quy hoạch tỉnh Đồng Nai thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050; Báo cáo thẩm tra của các Ban Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thông qua hồ sơ trình phê duyệt Quy hoạch tỉnh Đồng Nai thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050, thành phần hồ sơ gồm có:

(1) Dự thảo Tờ trình của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc đề nghị phê duyệt Quy hoạch tỉnh Đồng Nai thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050;

(2) Dự thảo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch tỉnh Đồng Nai thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050;

(3) Báo cáo Quy hoạch tỉnh Đồng Nai thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 (gồm báo cáo tổng hợp và báo cáo tóm tắt);

(4) Báo cáo đánh giá môi trường chiến lược quy hoạch tỉnh Đồng Nai thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050;

(5) Báo cáo tổng hợp ý kiến góp ý của các cơ quan, tổ chức, cộng đồng, cá nhân về quy hoạch; bản sao ý kiến góp ý của Bộ, cơ quan ngang Bộ và địa phương liên quan; báo cáo giải trình, tiếp thu ý kiến góp ý về quy hoạch;

(6) Báo cáo thẩm định quy hoạch; bản sao ý kiến của chuyên gia, tổ chức xã hội - nghề nghiệp và tổ chức khác có liên quan;

(7) Báo cáo giải trình, tiếp thu ý kiến thẩm định;

(8) Hệ thống sơ đồ, bản đồ, cơ sở dữ liệu về quy hoạch.

(Có hồ sơ chi tiết kèm theo)

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Ủy ban nhân dân tỉnh tiếp thu các ý kiến góp ý của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp và hoàn thiện hồ sơ Quy hoạch tỉnh Đồng Nai thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 để trình Thủ tướng Chính phủ xem xét phê duyệt theo đúng quy định của pháp luật. Ủy ban nhân dân tỉnh chịu trách nhiệm về hồ sơ Quy hoạch tỉnh, bao gồm tính chính xác của số liệu, tài liệu, hệ thống sơ đồ, bản đồ và cơ sở dữ liệu trong hồ sơ quy hoạch tỉnh bảo đảm phù hợp với các quy chuẩn, tiêu chuẩn và tuân thủ các quy định của pháp luật có liên quan.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban Hội đồng nhân dân tỉnh, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc triển khai, thực hiện Nghị quyết theo quy định.

3. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh, các tổ chức thành viên giám sát và vận động Nhân dân cùng tham gia giám sát việc thực hiện Nghị quyết này; phản ánh kịp thời tâm tư, nguyện vọng và kiến nghị của Nhân dân đến các cơ quan có thẩm quyền theo quy định của pháp luật.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Nai Khóa X Kỳ họp thứ 16 thông qua ngày 15 tháng 4 năm 2024 và có hiệu lực từ ngày 15 tháng 4 năm 2024./.

CHỦ TỊCH**Thái Bảo**

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG NAI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 07/NQ-HĐND

Đồng Nai, ngày 15 tháng 4 năm 2024

NGHỊ QUYẾT
Về quyết định chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng
sang mục đích khác

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI
KHÓA X KỲ HỌP THỨ 16

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 18 tháng 01 năm 2024;

Căn cứ Luật Lâm nghiệp ngày 15 tháng 11 năm 2017;

Căn cứ Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16 tháng 11 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp;

Căn cứ Nghị định số 83/2020/NĐ-CP ngày 15 tháng 7 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16 tháng 11 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp;

Xét Tờ trình số 20/TTr-UBND ngày 02 tháng 4 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh dự thảo Nghị quyết về quyết định chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác; Báo cáo thẩm tra số 175/BC-BKTNS ngày 10 tháng 4 năm 2024 của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân tỉnh; ý kiến thảo luận của các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Quyết định chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác để thực hiện Dự án cầu Phước An, thị xã Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu và huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai với diện tích 2,95 ha rừng trồng phòng hộ, gồm: một phần của 17 lô, 01 khoảnh (3), 01 tiểu khu (223) do Ban Quản lý rừng phòng hộ Long Thành quản lý thuộc ranh giới hành chính xã Phước An, huyện Nhơn Trạch.

(Vị trí khu vực chuyển mục đích sử dụng rừng theo Phụ lục đính kèm)

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Ủy ban nhân dân tỉnh có trách nhiệm tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết này và chỉ thực hiện quyết định chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác để thực hiện dự án khi đáp ứng đủ các điều kiện quy định tại Điều 19 Luật Lâm nghiệp năm 2017 (được sửa đổi, bổ sung tại khoản 4, Điều 248 Luật Đất đai năm 2024).

2. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban Hội đồng nhân dân tỉnh, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh có trách nhiệm giám sát việc thực hiện Nghị quyết này theo quy định.

3. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh, các tổ chức thành viên giám sát và vận động Nhân dân cùng tham gia giám sát việc thực hiện Nghị quyết này; phản ánh kịp thời tâm tư, nguyện vọng và kiến nghị của Nhân dân đến các cơ quan có thẩm quyền theo quy định của pháp luật.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Nai Khóa X Kỳ họp thứ 16 thông qua ngày 15 tháng 4 năm 2024 và có hiệu lực thi hành kể từ ngày 15 tháng 4 năm 2024./.

CHỦ TỊCH

Thái Bảo

PHỤ LỤC

(Kèm theo Nghị quyết số 07/NQ-HĐND
ngày 15 tháng 4 năm 2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh)

Vị trí chuyển mục đích sử dụng rừng

STT	Đơn vị quản lý	Xã (ấp)	Tiểu khu	Khoảnh	Số lô	Diện tích (ha)
1	Ban Quản lý rừng phòng hộ Long Thành	Xã Phước An (ấp Bà Trường)	223	3	80, 82, 83, 99, 100, 101, 103, 113, 114, 115, 116, 140, 141, 164a, 165a, 166, 167	2,95
Tổng					17	2,95

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG NAI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 08/NQ-HĐND

Đồng Nai, ngày 15 tháng 4 năm 2024

NGHỊ QUYẾT

Kéo dài thời gian bố trí vốn; kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân các dự án sử dụng vốn ngân sách tỉnh năm 2023

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI KHÓA X KỲ HỌP THỨ 16

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 ngày 6 tháng 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13 tháng 6 năm 2019;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đầu tư công, Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư, Luật Đầu tư, Luật Nhà ở, Luật Đấu thầu, Luật Điện lực, Luật Doanh nghiệp, Luật Thuế tiêu thụ đặc biệt và Luật Thi hành án dân sự ngày 11 tháng 01 năm 2022;

Căn cứ Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06 tháng 4 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công;

Xét Tờ trình số 21/TTr-UBND ngày 02 tháng 4 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh về dự thảo Nghị quyết kéo dài thời gian bố trí vốn; kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân các dự án sử dụng vốn ngân sách tỉnh năm 2023; Báo cáo thẩm tra số 174/BC-BKTNS ngày 10 tháng 4 năm 2024 của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thống nhất kéo dài thời gian bố trí vốn 11 dự án sử dụng vốn ngân sách tỉnh đến năm 2024 theo đề nghị của Ủy ban nhân dân tỉnh tại Tờ trình số 21/TTr-UBND.

(Chi tiết tại Phụ lục I đính kèm).

Điều 2. Thống nhất kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân kế hoạch đầu tư công năm 2023 đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2024 đối với 39 dự án sử dụng vốn ngân sách tỉnh với số vốn là 931.735.692.471 đồng theo đề nghị của Ủy ban nhân dân tỉnh tại Tờ trình số 21/TTr-UBND, bao gồm:

1. Nguồn ngân sách tập trung và nguồn đấu giá quyền sử dụng đất: 27 dự án với số vốn là 610.533.702.971 đồng.

2. Nguồn xổ số kiến thiết: 10 dự án với số vốn là 316.016.159.500 đồng.

3. Nguồn vốn kết dư năm 2022 ngân sách tập trung: 02 dự án với số vốn là 5.185.830.000 đồng.

(Chi tiết tại Phụ lục II, III và IV đính kèm).

Điều 3. Tổ chức thực hiện

1. Ủy ban nhân dân tỉnh có trách nhiệm tổ chức thực hiện Nghị quyết này theo quy định; đồng thời, chỉ đạo triển khai một số nhiệm vụ sau:

a) Các đơn vị chủ đầu tư dự án do Ủy ban nhân dân tỉnh giao chỉ tiêu kế hoạch tập trung triển khai thực hiện đảm bảo tiến độ bố trí vốn theo Nghị quyết. Rà soát tiến độ thực hiện hợp đồng đối với những nhà thầu thi công xây dựng công trình thực hiện chậm tiến độ, các tổ chức tư vấn lập hồ sơ thiết kế không đảm bảo chất lượng, không phù hợp với thực tế để phải xử lý trong quá trình thi công, ảnh hưởng đến tiến độ thực hiện dự án để có hình thức xử lý theo đúng quy định.

b) Các sở ngành tăng cường công tác phối hợp, kiểm tra đôn đốc thực hiện kế hoạch. Tăng cường thanh tra, kiểm tra trong công tác đấu thầu, công tác giám định chất lượng công trình, công tác giám sát đầu tư cộng đồng để góp phần chống thất thoát lãng phí trong đầu tư từ ngân sách.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban Hội đồng nhân dân tỉnh, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc triển khai, thực hiện Nghị quyết theo quy định.

3. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh, các tổ chức thành viên giám sát và vận động Nhân dân cùng tham gia giám sát việc thực hiện Nghị quyết này; phản ánh kịp thời tâm tư, nguyện vọng và kiến nghị của Nhân dân đến các cơ quan có thẩm quyền theo quy định của pháp luật.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Nai Khóa X Kỳ họp thứ 16 thông qua ngày 15 tháng 4 năm 2024 và có hiệu lực từ ngày 15 tháng 4 năm 2024./.

CHỦ TỊCH

Thái Bảo

Phụ lục I
DANH MỤC DỰ ÁN SỬ DỤNG VỐN NGÂN SÁCH TỈNH KÉO DÀI THỜI GIAN BỎ TRÍ VỐN
(Kèm theo Nghị quyết số 08/NQ-HĐND ngày 15 tháng 4 năm 2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh)

STT	Tên dự án	Nhóm DA	Thời gian đã bố trí vốn thực hiện dự án	Thời gian bố trí vốn thực hiện dự án	Nguyên nhân chậm thực hiện
1	Dự án Trạm Y tế xã Phú Lâm - huyện Tân Phú (do Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh làm chủ đầu tư) - Mã dự án 7650606	C	2020-2023	Đến năm 2024	Do nhà thầu hủy hợp đồng, phải đấu thầu lại trong năm 2023
2	Dự án Trạm Y tế xã Phước An - huyện Nhơn Trạch (do Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh làm chủ đầu tư) - Mã dự án 7650611	C	2021-2023	Đến năm 2024	Do nhà thầu thi công chậm tiến độ
3	Dự án Trạm Y tế Phường Bình Đa - TP. Biên Hòa (do Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh làm chủ đầu tư) - Mã dự án 7650599	C	2021-2023	Đến năm 2024	Do nhà thầu thi công chậm tiến độ
4	Dự án Trạm Y tế Phường Thống Nhất - TP. Biên Hòa (do Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh làm chủ đầu tư) - Mã dự án 7650612	C	2021-2023	Đến năm 2024	Do nhà thầu thi công chậm tiến độ
5	Trung tâm Công tác xã hội tổng hợp Đồng Nai (do Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh làm chủ đầu tư) - Mã dự án 7615404	B	2019-2023	Đến năm 2024	Do trong quá trình tổ chức đấu thầu phải tổ chức đấu thầu lại rất nhiều lần (3 lần) và đến lần thứ 3 mới lựa chọn được nhà thầu trúng thầu gói thầu số 6 (xây dựng và thiết bị)

6	Dự án đầu tư trang thiết bị y tế cần thiết để phục vụ cho công tác khám chữa bệnh của Bệnh viện Nhi đồng Đồng Nai (do Bệnh viện Nhi đồng Đồng Nai làm chủ đầu tư) - Mã dự án 7971517	C	2021-2023	Đến năm 2024	Do chậm thực hiện trong tổ chức lựa chọn nhà thầu
7	Dự án hệ thống thủy lợi cánh đồng 78A, 78B xã lộ 25 huyện Thống Nhất (do UBND huyện Thống Nhất làm chủ đầu tư) - Mã dự án 7621611	C	2018-2023	Đến năm 2024	Do vướng bồi thường giải phóng mặt bằng
8	Dự án xây dựng đường Nguyễn Du thị trấn Tân Phú (do UBND huyện Tân Phú làm chủ đầu tư) - Mã dự án 7779138	B	2020-2023	Đến năm 2024	Do vướng bồi thường giải phóng mặt bằng (10 hộ dân khiếu nại)
9	Dự án xây dựng một số hạng mục tiếp theo bổ sung dự án Khẩn cấp bảo tồn Voi tinh Đồng Nai giai đoạn 2014-2020 (do Chi cục kiểm lâm làm chủ đầu tư) - Mã dự án 7811889	C	2020-2023	Đến năm 2024	Do vướng bồi thường giải phóng mặt bằng
10	Dự án cấp nước sạch cho 03 xã La Ngà, Phú Ngọc, Ngọc Định (do UBND huyện Định Quán làm chủ đầu tư) - Mã dự án 7566966	C	2020-2023	Đến năm 2024	Công trình thi công hoàn thành, do bổ sung gói thầu kiểm tra công tác nghiệm thu
11	Dự án trụ sở Ban Chỉ huy Quân sự huyện Định Quán (do UBND huyện Định Quán làm chủ đầu tư) - Mã dự án 7723113	B	2019-2023	Đến năm 2024	Công trình thi công hoàn thành, do bổ sung gói thầu kiểm tra công tác nghiệm thu

Phụ lục II
DANH MỤC DỰ ÁN SỬ DỤNG VỐN NGÂN SÁCH TỈNH KÉO DÀI THỜI
GIAN THỰC HIỆN VÀ GIẢI NGÂN KẾ HOẠCH VỐN NĂM 2023 SANG
NĂM 2024 (NGUỒN VỐN NGÂN SÁCH TẬP TRUNG VÀ ĐẤT)

(Kèm theo Nghị quyết số 08/NQ-HĐND
ngày 15 tháng 4 năm 2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh)

STT	Danh mục dự án	Mã dự án (Mã QHNS)	Tiến độ thực hiện	Nguồn vốn kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân kế hoạch vốn năm 2023 sang năm 2024 (đồng)		Chủ đầu tư
				NSTT	đất	
1	2	3	4	5	6	7
	Tổng số			545.458.254.571	65.075.448.400	
A	Thực hiện dự án					-
I	Giao thông					-
I.1	Dự án chuyển tiếp					-
1	Đường Hương lộ 2 - Đoạn 1 (kể cả bồi thường do UBND thành phố Biên Hòa thực hiện)		tối đa 5 năm			-
	Trong đó					-
a	Đường Hương lộ 2 - Đoạn 1 do Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình giao thông tỉnh thực hiện	7801709			7.463.220.000	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình giao thông tỉnh
b	Đường Hương lộ 2 - Đoạn 1: Bồi thường giải phóng mặt bằng do UBND thành phố thực hiện	7471288			1.000.000.000	UBND thành phố Biên Hòa
2	Cải tạo nâng cấp đường ĐT.768 đoạn từ cầu Vượt Thủ Biên đến giao với đường ĐT.767, thị trấn Vĩnh An, huyện Vĩnh Cửu		Tối đa 5 năm			-
	Trong đó					-
b	Cải tạo nâng cấp đường ĐT.768 đoạn từ cầu Vượt Thủ Biên đến giao với đường ĐT.767, thị trấn Vĩnh An, huyện Vĩnh Cửu: bồi thường giải phóng mặt bằng do huyện Vĩnh Cửu thực hiện	7793261			645.095.000	UBND huyện Vĩnh Cửu
3	Dự án bồi thường, hỗ trợ tái định cư, giải phóng mặt bằng đường trục trung tâm thành phố Biên Hòa - đoạn từ đường Võ Thị Sáu đến đường Đặng Văn Tron (cầu Thống Nhất và đường kết nối 02 đầu cầu)	7865840	Tối đa 5 năm	154.334.043.640	48.336.000.000	Trung tâm Phát triển quỹ đất tỉnh
4	Dự án đường ven Sông Đồng Nai, huyện Định Quán (NST 100% xây lắp)	7787851	Tối đa 3 năm	9.276.837.000		UBND huyện Định Quán
5	Xây dựng đường Sông Nhạn - Dầu Giây đoạn còn lại qua địa bàn huyện Thống Nhất		Tối đa 3 năm			-
	Trong đó:					-
a	Xây dựng đường Sông Nhạn - Dầu Giây đoạn còn lại qua địa bàn huyện Thống Nhất do Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình giao thông tỉnh thực hiện	7832166		10.775.990.000		Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình giao thông tỉnh
6	Dự án đường Lê Hồng Phong (đoạn từ đường 29/4 đến đường Nam Kỳ Khởi Nghĩa), thị trấn Trảng Bom (NST 50%)	7635140	Tối đa 3 năm	23.800.000.000		UBND huyện Trảng Bom

7	Dự án nâng cấp mặt đê Ông Kèo đoạn từ Km0+000 đến Km7+500, huyện Nhơn Trạch	7882603	2022-2024	360.000.000		Công ty TNHH MTV Khai thác công trình thủy lợi
8	Dự án xây dựng đường Nguyễn Du thị trấn Tân Phú	7779138	Đến 2024		730.794.400	UBND huyện Tân Phú
I.2	Dự án khởi công mới năm 2023					
a	Bổ trí vốn lập thiết kế bản vẽ thi công và bồi thường giải phóng mặt bằng					
1	Nâng cấp đường 25B đoạn từ trung tâm huyện Nhơn Trạch ra Quốc lộ 51, huyện Long Thành và huyện Nhơn Trạch (NST 100%)	7866235	Tối đa 4 năm		1.226.030.000	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình giao thông tỉnh
2	Đường Phú Cường - La Ngà, huyện Định Quán	7880688	Tối đa 4 năm		5.674.309.000	UBND huyện Định Quán
b	Dự án khởi công mới					
1	Đường Tôn Đức Thắng (đoạn từ Trung tâm huyện Nhơn Trạch đến đường Quách Thị Trang), huyện Nhơn Trạch (NST 100%)	7853021	Tối đa 4 năm	8.102.551.254		UBND huyện Nhơn Trạch
2	Đường song hành Quốc lộ 20, đoạn qua thị trấn Dầu Giây (đoạn từ Km0+195 đến Km1+795), huyện Thống Nhất (NST 100%)	7869745	Tối đa 4 năm	82.632.662.572		UBND huyện Thống Nhất
3	Đường song hành Quốc lộ 1A, đoạn qua thị trấn Dầu Giây (đoạn từ Km1830+820 đến Km1832+400), huyện Thống Nhất	7870442	Tối đa 4 năm	19.924.419.999		UBND huyện Thống Nhất
4	Đường Nguyễn Hữu Cảnh (đoạn từ đường Nguyễn Hoàng đến đường Nguyễn Huệ) thị trấn Trảng Bom, huyện Trảng Bom (100% NST)	7895798	Tối đa 4 năm	29.422.868.000		UBND huyện Trảng Bom
II	Hoạt động của các cơ quan quản lý nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập, tổ chức chính trị và các tổ chức chính trị - xã hội					-
II.1	Dự án chuyển tiếp					-
1	Trung tâm Công tác xã hội tổng hợp Đồng Nai	7615404	Đến 2024	2.700.000.000		Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh
III	Công trình công cộng tại các đô thị					
III.1	Dự án chuyển tiếp					
2	Dự án hạ tầng điểm dân cư số 6 xã Hiếu Liêm	7563733	Đến 2024	600.000.000		UBND huyện Vĩnh Cửu
IV	Cấp nước, thoát nước					-
IV.1	Dự án chuyển tiếp					-
1	Hệ thống thoát nước khu vực suối Nước Trong huyện Long Thành	7005124	Đến 2024	6.897.529.112		Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh
2	Hệ thống thoát nước áp Tân Đạt, Tân Phát, xã Đồi 61, huyện Trảng Bom (100% NST)	7228594	Tối đa 4 năm	10.452.723.000		UBND huyện Trảng Bom
V	Nông nghiệp, lâm nghiệp, diêm nghiệp, thủy lợi và thủy sản					-
V.1	Dự án chuyển tiếp					
1	Dự án thủy lợi phục vụ tưới vùng mía Định Quán tỉnh Đồng Nai	7004913	Đến 2024	4.168.859.522		Công ty TNHH MTV Khai thác công trình thủy lợi
2	Dự án kè gia cố bờ sông Đồng Nai; đoạn từ khu dân cư cầu Rạch Cát phường Thống Nhất đến Nhà máy xử lý nước thải số 2 phường Tam Hiệp, thành phố Biên Hòa - dự án đối ứng theo cam kết với Jica khi triển khai dự án TNXLNT tp BH giai đoạn 1 từ vốn ODA		Đến 2024			-

	Trong đó					-
a	Dự án kè gia cố bờ sông Đồng Nai; đoạn từ khu dân cư cầu Rạch Cát phường Thống Nhất đến Nhà máy xử lý nước thải số 2 phường Tam Hiệp, thành phố Biên Hòa	7572389		3.319.000.000		Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh
3	Dự án hệ thống thủy lợi cánh đồng 78A, 78B xã lộ 25 huyện Thống Nhất	7621611	Đến 2024	1.495.242.850		UBND huyện Thống Nhất
4	Bồi thường hỗ trợ và tái định cư dự án Nạo vét bờ trái tuyến rạch Cái Cầu (suối Xiệp) đoạn qua địa bàn tỉnh Đồng Nai thuộc dự án đầu tư xây dựng công trình Hệ thống thoát nước thị trấn Dĩ An và khu công nghiệp Tân Đông Hiệp tỉnh Bình Dương	7989246	Tối đa 3 năm	80.000.000.000		Trung tâm phát triển quỹ đất tỉnh
5	Trạm bơm Đắc Lua	7366644	2022-2024	7.095.766.503		Công ty TNHH MTV Khai thác công trình thủy lợi
6	Dự án xây dựng một số hạng mục tiếp theo bổ sung dự án Khẩn cấp bảo tồn Voi tỉnh Đồng Nai giai đoạn 2014 - 2020	7811889	Đến 2024	288.105.100		Chi cục Kiểm lâm
VI	An ninh và trật tự, an toàn xã hội					-
VI.1	Dự án chuyển tiếp					-
1	Dự án Trung tâm chỉ huy Công an tỉnh Đồng Nai	7004692	Đến 2024	86.087.394.619		Công an tỉnh Đồng Nai
VI.2	Dự án khởi công mới					
1	Xây dựng 05 kho vật chứng cho Công an tỉnh Đồng Nai (gồm các huyện Thống Nhất, Xuân Lộc, Cẩm Mỹ, thành phố Long Khánh và Phòng PC10)	7004692	Tối đa 3 năm	3.381.698.400		Công an tỉnh Đồng Nai
VII	Môi trường					-
	Dự án khởi công mới					
1	Dự án gia cố sạt lở bờ sông Đồng Nai đoạn ấp 8, xã Nam Cát Tiên, huyện Tân Phú (giai đoạn 1)	7850701	Tối đa 3 năm	342.563.000		Chi cục trồng trọt, bảo vệ thực vật và thủy lợi

Phụ lục III
DANH MỤC DỰ ÁN SỬ DỤNG VỐN NGÂN SÁCH TỈNH KÉO DÀI THỜI
GIAN THỰC HIỆN VÀ GIẢI NGÂN KẾ HOẠCH VỐN NĂM 2023 SANG
NĂM 2024: NGUỒN VỐN XỔ SỔ KIẾN THIẾT

(Kèm theo Nghị quyết số 08/NQ-HĐND
ngày 15 tháng 4 năm 2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh)

STT	Danh mục dự án	Mã dự án (Mã QHNS)	Tiến độ thực hiện	Nguồn vốn kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân kế hoạch vốn năm 2023 sang năm 2024 (đồng)	Chủ đầu tư
1	2	3	4	5	6
	Tổng số			316.016.159.500	-
B	Thực hiện dự án				-
I	Y tế, dân số và gia đình				-
I.1	Dự án chuyển tiếp				
1	Trạm Y tế xã Phú Lâm - huyện Tân Phú	7650606	Đến 2024	198.900.000	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh
2	Trạm Y tế xã Phước An - huyện Nhơn Trạch	7650611	Tối đa 3 năm	340.241.000	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh
3	Trạm Y tế phường Bình Đa - TP. Biên Hòa	7650599	Tối đa 3 năm	699.712.000	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh
4	Trạm Y tế phường An Hòa - TP. Biên Hòa	7650603	Tối đa 3 năm	1.142.907.000	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh
5	Trạm Y tế phường Thống Nhất - TP. Biên Hòa	7650612	Tối đa 3 năm	177.504.000	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh
I.2	Dự án khởi công mới				
1	Dự án đầu tư trang thiết bị y tế cần thiết để phục vụ cho công tác khám chữa bệnh của Bệnh viện Nhi đồng Đồng Nai	7971517	Đến 2024	7.720.760.500	Bệnh viện Nhi đồng Đồng Nai
IV	Giao thông				-
IV.1	Dự án chuyển tiếp				-
1	Dự án đầu tư Đoạn 1, 2 tuyến đường Cao Cang, huyện Định Quán		Tối đa 5 năm		-
	Trong đó				
b	Dự án đầu tư Đoạn 1, 2 tuyến đường Cao Cang, huyện Định Quán do UBND huyện Định Quán thực hiện bồi thường	7816464		3.000.000.000	UBND huyện Định Quán
2	Dự án nâng cấp đường Tà Lài - Trà Cổ từ Km1+600 đến Km5+600 huyện Tân Phú và Định Quán		Tối đa 5 năm		-
	Trong đó				

b	Dự án nâng cấp đường Tà Lài - Trà Cỏ từ Km1+600 đến Km5+600 huyện Tân Phú và Định Quán do UBND huyện Định Quán thực hiện bồi thường	7919420		3.492.593.000	UBND huyện Định Quán
3	Dự án bồi thường, hỗ trợ tái định cư, giải phóng mặt bằng đường trục trung tâm thành phố Biên Hòa - đoạn từ đường Võ Thị Sáu đến đường Đặng Văn Trơn (cầu Thống Nhất và đường kết nối 02 đầu cầu)	7865840	Tối đa 5 năm	299.000.000.000	Trung tâm Phát triển quỹ đất tỉnh
I.5	Quốc phòng				
	Dự án chuyển tiếp				
1	Dự án trụ sở Ban Chỉ huy Quân sự huyện Định Quán	7723113	Tối đa 5 năm	243.542.000	UBND huyện Định Quán

Phụ lục IV**DANH MỤC DỰ ÁN SỬ DỤNG VỐN NGÂN SÁCH TỈNH KÉO DÀI THỜI
GIAN THỰC HIỆN VÀ GIẢI NGÂN KẾ HOẠCH VỐN NĂM 2023 SANG
NĂM 2024: NGUỒN VỐN KẾT DƯ NĂM 2022 NGÂN SÁCH TẬP TRUNG***(Kèm theo Nghị quyết số 08/NQ-HĐND**ngày 15 tháng 4 năm 2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh)*

STT	Danh mục dự án	Mã dự án (Mã QHNS)	Tiến độ thực hiện	Nguồn vốn kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân kế hoạch vốn năm 2023 sang năm 2024 (đồng)	Chủ đầu tư
1	2	3	4	5	6
	Tổng số			5.185.830.000	
A	Thực hiện dự án				-
II	Cấp nước, thoát nước				-
II.1	Dự án chuyển tiếp				-
1	Chống ngập úng khu vực suối Chùa, suối Bà Lúa, suối Cầu Quan		Tối đa 4 năm		
	Trong đó				
b	Chống ngập úng khu vực suối Chùa, suối Bà Lúa, suối Cầu Quan: Bồi thường giải phóng mặt bằng do UBND thành phố Biên Hòa thực hiện	7.831.394		4.985.830.000	UBND thành phố Biên Hòa
2	Dự án cấp nước sạch cho 03 xã La Ngà, Phú Ngọc, Ngọc Định	7566966	Đến 2024	200.000.000	UBND huyện Định Quán

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG NAI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 09/NQ-HĐND

Đồng Nai, ngày 15 tháng 4 năm 2024

NGHỊ QUYẾT

**Bổ sung Danh mục các dự án chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa năm 2024
tỉnh Đồng Nai (lần 2)**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI
KHÓA X KỲ HỌP THỨ 16**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29 tháng 11 năm 2013;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 Luật liên quan đến quy hoạch ngày 20 tháng 11 năm 2018;

Căn cứ Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị định số 148/2020/NĐ-CP ngày 18 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị định số 12/2024/NĐ-CP ngày 05 tháng 02 năm 2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 44/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của chính phủ quy định về giá đất và nghị định số 10/2023/NĐ-CP ngày 03 tháng 4 năm 2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định hướng dẫn thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Thông tư số 09/2021/TT-BTNMT ngày 30 tháng 6 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường sửa đổi, bổ sung một số điều của các thông tư quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Đất đai;

Xét Tờ trình số 24/TTr-UBND ngày 03 tháng 4 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai về việc chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa năm 2024 trên địa bàn tỉnh Đồng Nai (lần 2); Báo cáo thẩm tra số 178/BC-BKTNS ngày 10 tháng 4 năm 2024 của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thông qua 26 dự án chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa với tổng diện tích là 20,17 ha.

(Phụ lục đính kèm)

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Ủy ban nhân dân tỉnh có trách nhiệm tổ chức triển khai, thực hiện Nghị quyết này. Thực hiện các trình tự, thủ tục hồ sơ đảm bảo tính chính xác, đáp ứng đầy đủ các điều kiện theo quy định tại khoản 2 Điều 2 Nghị định số 12/2024/NĐ-CP ngày 05 tháng 02 năm 2024 của Chính phủ, trước khi cho phép chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa sang mục đích khác để thực hiện dự án.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban Hội đồng nhân dân tỉnh, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh có trách nhiệm giám sát việc thực hiện Nghị quyết này theo quy định.

3. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh, các tổ chức thành viên giám sát và vận động Nhân dân cùng tham gia thực hiện và giám sát Nghị quyết này; phản ánh kịp thời tâm tư, nguyện vọng và kiến nghị của Nhân dân đến các cơ quan có thẩm quyền theo quy định của pháp luật.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Nai Khóa X Kỳ họp thứ 16 thông qua ngày 15 tháng 4 năm 2024 và có hiệu lực thi hành kể từ ngày 15 tháng 4 năm 2024./.

CHỦ TỊCH

Thái Bảo

Phụ lục
DANH MỤC CÁC DỰ ÁN CÓ SỬ DỤNG ĐẤT TRỒNG LÚA NĂM 2024
TỈNH ĐỒNG NAI (LẦN 2)

(Kèm theo Nghị quyết số 09/NQ-HĐND
ngày 15 tháng 4 năm 2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Nai)

STT	Tên dự án theo các văn bản được phê duyệt (nếu có)	Vị trí		Diện tích đất thực hiện dự án (ha)	Trong đó Đất trồng lúa (ha)
		Huyện, thành phố	Xã		
(1)	(2)		(3)	(4)	(5)
1	Nâng cấp, mở rộng đường Ngô Quyền	Long Khánh	Xuân Thanh, Bà Trâm, Bảo Vinh	8,24	0,57
2	Đường Trần Phú (đường N7) đoạn từ đường Lê Duẩn đến đường tỉnh ĐT.771	Long Thành	TT Long Thành	14,00	0,50
3	Đường Cách Mạng Tháng Tám (đoạn từ đường Trần Phú đến đường 25A)	Long Thành	An Phước, TT. Long Thành	14,52	6,00
4	Đường Làng dân tộc Choro Xuân Phú	Xuân Lộc	Xuân Phú	4,13	0,29
5	Đường Phước Bình - xã Xuân Thọ	Xuân Lộc	Xuân Thọ	3,30	0,20
6	Đường Thọ Chánh - Thọ Tân (Giai đoạn 1)	Xuân Lộc	Xuân Thọ	5,50	0,47
7	Đường Xuân Hiệp - Lang Minh (từ cầu Sông Ray đến đường Lang Minh - Xuân Đông)	Xuân Lộc	Lang Minh	2,40	0,08
8	Đường Tân Hữu - Trảng Táo (đoạn từ đường ĐT.766 đến cầu Suối Khi)	Xuân Lộc	Xuân Thành	2,60	0,08
9	Đường Thọ Chánh - Thọ Tân (giai đoạn 2)	Xuân Lộc	Xuân Thọ	3,80	0,39
10	Nâng cấp, sửa chữa đường 118 (đường 118 - Sông Đồng Nai)	Định Quán	Phú Vinh, Phú Tân	10,5	0,07
11	Đường Vành đai thị trấn Định Quán	Định Quán	TT. Định Quán	7,5	2,90
12	Đường Ngô Sỹ Liên (đoạn từ đường Lý Thái Tổ đến đường Nguyễn Huệ)	Định Quán	TT. Định Quán	1,6	0,45
13	Trường MN Hoa Hồng thị trấn Định Quán	Định Quán	TT. Định Quán	1	0,32
14	Trường MN Sen Hồng (điểm chính)	Định Quán	Suối Nho	0,15	0,15
15	Trường TH Nguyễn Du	Định Quán	TT. Định Quán	1,1	1,01
16	Nâng cấp, mở rộng Trường Tiểu học Trung Vương (điểm chính)	Định Quán	TT Định Quán	0,54	0,47

17	Xây dựng Trường Mầm non Tân Vạn	Biên Hòa	Phường Tân Vạn	0,65	0,16
18	Đường ven sông Đồng Nai (đoạn từ cầu Hóa An đến ranh huyện Vĩnh Cửu)	Biên Hòa	Bửu Long	17,64	0,93
19	Xây dựng đường D10 tại phường Quang Vinh	Biên Hòa	Quang Vinh	0,62	0,14
20	Xây dựng Trường Mầm non Tân Hạnh	Biên Hòa	Tân Hạnh	0,84	0,35
21	Xây dựng hạ tầng Khu dân cư phục vụ tái định cư Tân Hạnh	Biên Hòa	Tân Hạnh	4,20	0,05
22	Xây dựng hạ tầng Khu dân cư phục vụ tái định cư phường Quang Vinh 0,4 ha, thành phố Biên Hòa	Biên Hòa	Quang Vinh	0,55	0,07
23	Xây dựng kè sông Đồng Nai, thành phố Biên Hòa (từ cầu Hóa An đến giáp ranh huyện Vĩnh Cửu)	Biên Hòa	Bửu Long	2,61	0,04
24	Cảng Đồng Nai (mở rộng)	Biên Hòa	Long Bình Tân	15,59	0,70
25	Đường La Hoa - Rừng Tre	Cẩm Mỹ	Xuân Đông	5,32	0,88
26	Đường vào KCN Ông Kèo	Nhon Trạch	Phước An, Phước Khánh, Vĩnh Thanh	34,15	2,90
	Tổng cộng				20,17

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG NAI****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 139/KH-UBND

Đồng Nai, ngày 16 tháng 4 năm 2024

KẾ HOẠCH**Thực hiện Chiến lược quốc gia về phòng, chống tác hại của thuốc lá
đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh Đồng Nai**

Căn cứ Luật Phòng, chống tác hại của thuốc lá ngày 18 tháng 6 năm 2012;

Căn cứ Nghị định số 117/2020/NĐ-CP ngày 28 tháng 9 năm 2020 của Chính phủ về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực y tế;

Căn cứ Quyết định số 568/QĐ-TTg ngày 24 ngày 5 tháng 2023 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Chiến lược quốc gia phòng, chống tác hại của thuốc lá đến năm 2030;

Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai ban hành Kế hoạch thực hiện Chiến lược quốc gia phòng, chống tác hại của thuốc lá đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh Đồng Nai, cụ thể như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU**1. Mục đích**

a) Tổ chức triển khai đồng bộ các biện pháp giảm tỷ lệ sử dụng thuốc lá, tỷ lệ tiếp xúc thụ động với khói thuốc lá nhằm giảm bệnh tật và tử vong do sử dụng các sản phẩm thuốc lá gây ra. Đẩy mạnh công tác thanh tra, kiểm tra và xử lý vi phạm trong phòng, chống tác hại của thuốc lá.

b) Thông tin, giáo dục, truyền thông về phòng, chống tác hại của thuốc lá là giải pháp chủ đạo và phải được lồng ghép vào các chương trình, chiến lược về nâng cao sức khỏe để tăng cường nhận thức của người dân về tác hại của thuốc lá, từ đó thay đổi hành vi sử dụng thuốc lá trong cộng đồng.

2. Yêu cầu

a) Công tác phòng, chống tác hại của thuốc lá phải được sự quan tâm hơn nữa của lãnh đạo các sở, ban, ngành, đoàn thể, địa phương, đơn vị và phải được coi là một nhiệm vụ thường xuyên, có tính chất liên ngành.

b) Tăng cường sự phối hợp liên ngành trong tỉnh, giữa các tỉnh/thành phố trên cả nước và hợp tác quốc tế trong phòng, chống tác hại của thuốc lá phù hợp với điều kiện kinh tế - xã hội của tỉnh.

II. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu chung: Giảm tỷ lệ sử dụng thuốc lá, tỷ lệ tiếp xúc thụ động với khói thuốc lá nhằm giảm bệnh tật và tử vong do sử dụng các sản phẩm thuốc lá gây ra.

2. Mục tiêu cụ thể

a) Giai đoạn 2024 - 2025:

- Giảm tỷ lệ sử dụng thuốc lá trong nhóm nam giới từ 15 tuổi trở lên xuống dưới 39%; nhóm nữ giới từ 15 tuổi trở lên xuống dưới 1,4%.

- Giảm tỷ lệ tiếp xúc thụ động với khói thuốc lá: tại nơi làm việc xuống dưới 30%; tại nhà hàng xuống dưới 75%; tại quán bar, cà phê xuống dưới 80%; tại khách sạn xuống dưới 60%.

- Ngăn ngừa việc sử dụng các sản phẩm thuốc lá điện tử, thuốc lá nung nóng, shisha và các sản phẩm thuốc lá mới khác trong cộng đồng.

b) Giai đoạn 2026 - 2030:

- Giảm tỷ lệ sử dụng thuốc lá trong nhóm nam từ 15 tuổi trở lên xuống dưới 36%; nhóm nữ từ 15 tuổi trở lên xuống dưới 1%.

- Giảm tỷ lệ tiếp xúc thụ động với khói thuốc lá: tại nơi làm việc xuống dưới 25%; tại nhà hàng xuống dưới 65%; tại quán bar, cà phê xuống dưới 70%, tại khách sạn xuống dưới 50%.

- Tiếp tục ngăn ngừa việc sử dụng các sản phẩm thuốc lá điện tử, thuốc lá nung nóng, shisha và các sản phẩm thuốc lá mới khác trong cộng đồng.

III. NỘI DUNG THỰC HIỆN

1. Các giai đoạn thực hiện

a) Giai đoạn 1 (2024 - 2025):

- Tập trung vào việc phổ biến Luật Phòng, chống tác hại của thuốc lá và các văn bản hướng dẫn thực hiện Luật Phòng, chống tác hại của thuốc lá; thực thi quy định về môi trường “Không khói thuốc lá”; tổ chức điều tra, khảo sát tỷ lệ sử dụng thuốc lá trong các nhóm đối tượng; củng cố tổ chức, mạng lưới và nâng cao năng lực của lực lượng làm công tác phòng, chống tác hại của thuốc lá; đánh giá việc thực hiện các quy định pháp luật về phòng, chống tác hại thuốc lá; triển khai các biện pháp ngăn ngừa việc sử dụng các sản phẩm thuốc lá điện tử, thuốc lá nung nóng, shisha và các sản phẩm thuốc lá mới khác trong cộng đồng, đặc biệt là giới trẻ, học sinh, sinh viên.

- Kết thúc giai đoạn, tổ chức điều tra thực trạng tỷ lệ sử dụng thuốc lá và tỷ lệ tiếp xúc thụ động với khói thuốc lá trên địa bàn tỉnh Đồng Nai; báo cáo, đánh giá sơ kết tình hình thực hiện Kế hoạch giai đoạn 2024 - 2025.

b) Giai đoạn 2 (2026 - 2030):

- Tiếp tục tăng cường thực thi quy định môi trường “Không khói thuốc lá”; đánh giá việc thực hiện các quy định pháp luật về phòng, chống tác hại của thuốc lá; tổ chức điều tra, khảo sát, đánh giá cuối kỳ về tỷ lệ sử dụng thuốc lá và tiếp xúc thụ động với khói thuốc lá; tiếp tục ngăn ngừa việc sử dụng các sản phẩm thuốc lá điện tử, thuốc lá nung nóng, shisha và các sản phẩm thuốc lá mới khác trong cộng đồng.

- Báo cáo, đánh giá tổng kết tình hình triển khai Kế hoạch thực hiện Chiến lược quốc gia về phòng, chống tác hại của thuốc lá đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

2. Địa điểm triển khai

a) Địa điểm cấm hút thuốc lá hoàn toàn:

- Các địa điểm cấm hút thuốc lá hoàn toàn trong nhà và khuôn viên bao gồm: Cơ sở y tế; Cơ sở giáo dục; Cơ sở chăm sóc, nuôi dưỡng, vui chơi, giải trí dành riêng cho trẻ em; Cửa hàng bán lẻ xăng dầu (khu vực bơm, rót xăng dầu, bồn, bể) kho xăng dầu, kho khí hóa lỏng; Cơ sở hoặc khu vực có nguy cơ cháy, nổ cao theo quy định tại Phụ lục số II Danh mục cơ sở có nguy hiểm về cháy, nổ kèm theo Nghị định số 136/2020/NĐ-CP.

- Các địa điểm cấm hút thuốc lá hoàn toàn trong nhà bao gồm:

+ Nơi làm việc trong nhà của cơ quan hành chính nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập, doanh nghiệp, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp và nơi làm việc của các cơ quan, tổ chức, đơn vị khác;

+ Khu vực trong nhà của các địa điểm công cộng: cơ sở dịch vụ ăn uống, cơ sở dịch vụ vui chơi giải trí, nhà ga, bến tàu, bến xe, cơ sở tôn giáo, tín ngưỡng, trung tâm hội nghị, trung tâm thương mại, chợ, nhà hát, nhà văn hóa, rạp chiếu phim, rạp xiếc, câu lạc bộ, nhà thi đấu thể thao, sân vận động, nhà sinh hoạt cộng đồng và các khu vực sinh hoạt chung của khu chung cư và địa điểm công cộng khác;

- Phương tiện giao thông công cộng bị cấm hút thuốc lá hoàn toàn: Ô tô; Tàu bay; Tàu điện.

b) Địa điểm cấm hút thuốc lá trong nhà nhưng được phép có nơi dành riêng cho người hút thuốc lá:

- Khu vực cách ly của sân bay;

- Quán bar, quán karaoke, vũ trường;

- Khách sạn, nhà nghỉ, nhà khách, khu nghỉ dưỡng (resort) và cơ sở lưu trú du lịch khác;

- Phương tiện giao thông công cộng là tàu thủy, tàu hỏa.

c) Đối với tất cả địa điểm cấm hút thuốc lá (*theo Thông tư số 11/2023/TT-BYT ngày 11/5/2023 của Bộ Y tế quy định về việc thực hiện địa điểm cấm hút thuốc lá và xét tặng Giải thưởng Môi trường không thuốc lá*):

- Có đặt, in, bố trí biển hoặc chữ hoặc biểu tượng với nội dung cấm hút thuốc lá. Biển bảo đảm các yêu cầu sau đây:

+ Nội dung thông điệp rõ ràng, dễ hiểu, ngắn gọn;

+ Chất liệu biển bền, khó phai; biển đặt ngoài trời chịu được tác động của môi trường bên ngoài;

+ Kích thước, cỡ chữ của biển phù hợp với vị trí, không gian đặt biển; chữ đậm, dễ đọc; màu chữ, biểu tượng tương phản với màu nền;

+ Biển đặt tại địa điểm công cộng trong điều kiện không đủ ánh sáng: có phản quang hoặc chiếu sáng biển hoặc hình thức phù hợp khác để bảo đảm dễ nhìn.

- Việc đặt biển bảo đảm các yêu cầu sau đây:

+ Khoảng cách giữa các biển phù hợp với quy mô, không gian của từng địa điểm;

+ Đặt biển ở vị trí dễ quan sát, khu vực có nhiều người qua lại; công vào khu vực khuôn viên, khu vực để xe ngoài trời; đối với khu vực trong nhà đặt tại cửa ra vào, sảnh trước, khu vực tiếp đón, ghé chờ, các tầng của cầu thang bộ, trong thang máy, hành lang có mái che, nhà để xe, nhà vệ sinh.

- Không có gạt tàn, dụng cụ dùng cho hút thuốc, đầu mẫu và tàn thuốc lá tại địa điểm cấm hút thuốc lá.

IV. NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP

1. Tăng cường sự lãnh đạo của các cấp ủy Đảng, chính quyền và phối hợp liên ngành đối với công tác phòng, chống tác hại của thuốc lá

a) Tiếp tục quán triệt sâu sắc nội dung Nghị quyết số 20-NQ/TW ngày 25 tháng 10 năm 2017 về tăng cường công tác bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân trong tình hình mới, các quy định của pháp luật có liên quan để tạo sự đồng thuận, ủng hộ của toàn xã hội về công tác phòng, chống tác hại của thuốc lá; đề cao tính tiên phong gương mẫu của người đứng đầu, cán bộ, đảng viên trong việc thực hiện công tác phòng, chống tác hại của thuốc lá; tăng cường xử phạt, xử lý nghiêm hành vi hút thuốc lá tại các điểm cấm hút thuốc lá.

b) Ban hành nghị quyết, kế hoạch phù hợp với từng thời kỳ để thực hiện Kế hoạch này.

c) Chỉ đạo công tác phối hợp liên ngành giữa các cơ quan, đoàn thể, tổ chức tham gia thực hiện công tác phòng, chống tác hại của thuốc lá; phát huy vai trò của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức thành viên, tổ chức chính trị - xã hội - nghề nghiệp trong việc tham gia, giám sát thực hiện công tác phòng, chống tác hại của thuốc lá.

d) Thường xuyên đôn đốc, kiểm tra, đánh giá việc thực hiện công tác phòng, chống tác hại của thuốc lá; lấy kết quả thực hiện công tác phòng, chống tác hại của thuốc lá là một tiêu chuẩn để đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ của người đứng đầu, cấp ủy, chính quyền các cấp.

2. Tăng cường và đổi mới hoạt động thông tin, giáo dục, truyền thông về phòng, chống tác hại của thuốc lá

a) Xây dựng chương trình, kế hoạch thông tin, truyền thông về phòng, chống tác hại của thuốc lá phù hợp với từng giai đoạn; thường xuyên tổ chức các hoạt động truyền thông về phòng, chống tác hại của thuốc lá với các hình thức đa dạng, phù hợp đặc điểm từng địa phương, từng nhóm đối tượng; tăng cường sử dụng công nghệ thông tin, mạng xã hội trong truyền thông phòng, chống tác hại của thuốc lá.

b) Cập nhật thường xuyên tài liệu, thông tin về tác hại của thuốc lá, đặc biệt là các sản phẩm thuốc lá mới; lợi ích của việc cai nghiện thuốc lá, môi trường sống không có khói thuốc lá; chính sách, pháp luật về phòng, chống tác hại của thuốc lá.

c) Đẩy mạnh công tác giáo dục về tác hại và phòng, chống tác hại của thuốc lá cho giáo viên, học sinh tại các cơ sở giáo dục; xây dựng tài liệu giáo dục và tổ chức các hoạt động truyền thông về phòng, chống tác hại của thuốc lá phù hợp với các cấp học, bậc học.

d) Phát huy vai trò của mạng lưới cộng tác viên về phòng, chống tác hại của thuốc lá tại cộng đồng trong việc vận động, hướng dẫn người dân nghiêm túc thực hiện các quy định pháp luật và tích cực tham gia hoạt động phòng, chống tác hại của thuốc lá.

3. Tăng cường thanh tra, kiểm tra, xử lý vi phạm về phòng, chống tác hại của thuốc lá

a) Tăng cường lực lượng, xây dựng cơ chế, kế hoạch phối hợp liên ngành; giữa các cấp trong công tác thanh tra, kiểm tra, xử lý vi phạm pháp luật về phòng, chống tác hại của thuốc lá.

b) Đào tạo, tập huấn nâng cao năng lực cho lực lượng thanh tra, kiểm tra, xử lý vi phạm pháp luật về phòng, chống tác hại của thuốc lá từ tỉnh đến cơ sở; thường xuyên tổ chức các đợt thanh tra, kiểm tra liên ngành theo chuyên đề về phòng, chống tác hại của thuốc lá theo phân cấp.

c) Tăng cường sử dụng giải pháp về công nghệ thông tin, các mạng xã hội trong giám sát việc tuân thủ pháp luật về phòng, chống tác hại của thuốc lá.

d) Tăng cường xử phạt, xử lý nghiêm hành vi hút thuốc lá tại các địa điểm cấm hút thuốc lá hoàn toàn.

4. Đẩy mạnh nghiên cứu khoa học, hoàn thiện hệ thống giám sát về phòng, chống tác hại của thuốc lá

a) Tiếp tục đẩy mạnh thực hiện các nghiên cứu về tác hại của việc sử dụng các sản phẩm thuốc lá, đặc biệt là các sản phẩm thuốc lá mới đối với sức khỏe của người tiêu dùng; các giải pháp hỗ trợ cai nghiện thuốc lá hiệu quả; các giải pháp phòng, chống tác hại của thuốc lá hiệu quả. Định hướng, khuyến khích các đề tài nghiên cứu khoa học, khảo sát thực trạng sử dụng thuốc lá trên địa bàn và tại cơ quan, đơn vị gắn liền với các mục tiêu trong việc thực hiện Chiến lược quốc gia về phòng, chống tác hại của thuốc lá đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

b) Kiện toàn, nâng cao năng lực hệ thống giám sát, đánh giá chương trình phòng, chống tác hại của thuốc lá từ tỉnh đến cơ sở.

c) Nâng cao chất lượng số liệu giám sát, đánh giá công tác phòng, chống tác hại của thuốc lá; định kỳ thực hiện các nghiên cứu, khảo sát tình hình sử dụng các sản phẩm thuốc lá để giúp điều chỉnh các quy định của pháp luật về phòng, chống tác hại của thuốc lá.

d) Tăng cường phổ biến, chia sẻ thông tin, số liệu về phòng, chống tác hại của thuốc lá giữa các sở, ngành, địa phương, bảo đảm các thông tin về phòng, chống tác hại của thuốc lá đầy đủ, kịp thời, dễ tiếp cận.

5. Kiện toàn, nâng cao năng lực mạng lưới về phòng, chống tác hại của thuốc lá

a) Kiện toàn Ban chỉ đạo về phòng, chống tác hại của thuốc lá các cấp; xây dựng cơ chế phối hợp giữa các sở, ngành, cơ quan, tổ chức từ tỉnh đến cơ sở để bảo đảm triển khai có hiệu quả công tác phòng, chống tác hại của thuốc lá.

b) Xây dựng kế hoạch hoạt động hằng năm, phân công trách nhiệm cụ thể của các thành viên Ban Chỉ đạo; định kỳ tổ chức sơ kết, tổng kết, đánh giá việc thực hiện nhiệm vụ được giao.

c) Tăng cường công tác đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao năng lực cho cán bộ lãnh đạo, quản lý các cấp và người tham gia hoạt động phòng, chống tác hại của thuốc lá từ tỉnh đến cơ sở.

d) Tăng cường phối hợp liên ngành, phát huy vai trò của các tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức chính trị - xã hội - nghề nghiệp trong việc tham gia, giám sát thực hiện công tác phòng, chống tác hại của thuốc lá.

đ) Xây dựng, ban hành chế độ phù hợp để khuyến khích cá nhân, tổ chức tham gia hoạt động phòng, chống tác hại của thuốc lá.

6. Hợp tác quốc tế: Đẩy mạnh hợp tác quốc tế, tranh thủ sự hỗ trợ về tài chính và kỹ thuật của các tổ chức chính phủ và phi chính phủ nước ngoài trong việc triển khai các hoạt động phòng, chống tác hại của thuốc lá.

V. NGUỒN LỰC THỰC HIỆN

1. Ngân sách nhà nước được bố trí trong dự toán chi ngân sách nhà nước hằng năm của các sở, ngành, địa phương theo phân cấp ngân sách hiện hành.

2. Quỹ Phòng, chống tác hại của thuốc lá.

3. Đóng góp tự nguyện của các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước.

4. Tài trợ của chính phủ các nước và các tổ chức quốc tế.

5. Các nguồn hợp pháp khác.

VI. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Các sở, ban, ngành, địa phương và các tổ chức đoàn thể, chính trị - xã hội

a) Chủ động tuyên truyền, vận động, tổ chức triển khai thực hiện Kế hoạch đến cán bộ, nhân viên, người lao động trong đơn vị và nhân dân trên địa bàn.

b) Đưa nội dung phòng, chống tác hại của thuốc lá vào kế hoạch hoạt động hằng năm; đưa quy định cấm hút thuốc lá tại nơi làm việc vào quy chế nội bộ, tiêu chuẩn xét danh hiệu thi đua, khen thưởng.

2. Sở Y tế

a) Đầu mối phối hợp với các cơ quan liên quan thực hiện Kế hoạch, kiện toàn, phân công trách nhiệm cụ thể của các thành viên Ban chỉ đạo về phòng, chống tác hại của thuốc lá.

b) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan thực hiện:

- Thông tin, giáo dục, truyền thông về phòng, chống tác hại của thuốc lá cho cộng đồng.

- Đào tạo nâng cao năng lực về phòng, chống tác hại của thuốc lá cho các cơ quan, đơn vị, địa phương trên địa bàn tỉnh; phát triển dịch vụ tư vấn, điều trị cai nghiện thuốc lá.

c) Chủ trì, phối hợp với các sở, ngành và các cơ quan, đơn vị giám sát, kiểm tra việc thực hiện Kế hoạch, tổng hợp báo cáo UBND tỉnh; định kỳ tổ chức sơ kết, tổng kết, đánh giá việc thực hiện Kế hoạch; đề xuất các chế độ, chính sách hỗ trợ, khen thưởng đối với các tổ chức, cá nhân tham gia hoạt động phòng, chống tác hại của thuốc lá.

d) Tham mưu UBND tỉnh đẩy mạnh các hoạt động thanh tra, kiểm tra, xử lý vi phạm đối với công tác phòng, chống tác hại của thuốc lá thuộc thẩm quyền quản lý.

đ) Đầu mối thực hiện hợp tác quốc tế trong lĩnh vực phòng, chống tác hại của thuốc lá để thực hiện Công ước Khung kiểm soát thuốc lá của Tổ chức Y tế Thế giới mà Việt Nam đã tham gia.

3. Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch

a) Chủ trì việc thực thi các quy định về cấm quảng cáo các sản phẩm thuốc lá dưới mọi hình thức; tổ chức thanh tra, kiểm tra việc thực hiện;

b) Chủ trì, phối hợp với Sở Y tế và các sở, ban, ngành, địa phương trong việc thông tin, giáo dục, truyền thông về phòng, chống tác hại của thuốc lá, Công ước Khung về kiểm soát thuốc lá, tác hại của các sản phẩm thuốc lá thông qua các hình thức sân khấu điện ảnh, truyền hình, văn hóa nghệ thuật; tuyên truyền xây dựng nếp sống văn hóa không mời và không sử dụng các sản phẩm thuốc lá;

c) Chủ trì, tổ chức thực hiện nghiêm các quy định về môi trường không khói thuốc lá tại khách sạn, khu du lịch, khu vui chơi, giải trí; nhân rộng các địa điểm du lịch không khói thuốc lá;

d) Tiếp tục tăng cường thực hiện lồng ghép phòng, chống tác hại của thuốc lá trong các phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh”; “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa” và “Gia đình văn hóa”.

4. Sở Thông tin và Truyền thông: Quản lý chặt chẽ việc thực hiện quảng cáo trên báo chí, trên môi trường mạng, trên xuất bản phẩm và quảng cáo tích hợp trên các sản phẩm, dịch vụ bưu chính, viễn thông, công nghệ thông tin trên địa bàn tỉnh nhằm đảm bảo việc cấm toàn diện quảng cáo, khuyến mại thuốc lá trên các phương tiện thuộc lĩnh vực quản lý.

5. Sở Công Thương

a) Chủ trì xây dựng chương trình, kế hoạch phòng, chống tác hại của thuốc lá trên địa bàn tỉnh Đồng Nai theo hướng giảm tiếp cận của cộng đồng đối với các sản phẩm thuốc lá.

b) Tăng cường công tác cấp phép, thanh tra, kiểm tra thương nhân bán buôn sản phẩm thuốc lá, đầu tư trồng cây thuốc lá, mua bán nguyên liệu thuốc lá có trụ sở chính đóng trên địa bàn tỉnh; Tăng cường kiểm soát lưu thông sản phẩm thuốc lá.

c) Triển khai, tuyên truyền phòng, chống tác hại của thuốc lá, hướng dẫn các địa điểm cấm hút thuốc lá thuộc lĩnh vực quản lý thực hiện nghiêm các quy định theo pháp luật hiện hành.

6. Sở Giáo dục và Đào tạo

a) Đẩy mạnh công tác giáo dục về tác hại thuốc lá và phòng, chống tác hại của thuốc lá tại các cơ sở giáo dục; tăng cường các biện pháp giáo dục phòng, chống tác hại của thuốc lá cho học sinh. Tăng cường truyền thông về phòng, chống tác hại của thuốc lá phù hợp với các cấp học, bậc học.

b) Tiếp tục chỉ đạo việc thực hiện môi trường không khói thuốc, lồng ghép hoạt động phòng, chống tác hại của thuốc lá vào các chương trình nâng cao sức khỏe tại các cơ sở giáo dục.

7. Sở Tài chính: Trên cơ sở dự toán kinh phí thực hiện Kế hoạch do các đơn vị có liên quan xây dựng, tùy tình hình cân đối ngân sách hằng năm, Sở Tài chính sẽ tham mưu cấp có thẩm quyền phân bổ kinh phí theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước.

8. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn: Phối hợp với Sở Y tế nghiên cứu, đưa các tiêu chí về giảm tỷ lệ sử dụng các sản phẩm thuốc lá, thực hiện môi trường không khói thuốc lá và các giải pháp về phòng, chống tác hại thuốc lá vào Bộ tiêu chí về xã nông thôn mới, xã nông thôn mới nâng cao và xã nông thôn mới kiểu mẫu trên địa bàn tỉnh.

9. Công an tỉnh

a) Tăng cường tuyên truyền về phòng, chống tác hại của thuốc lá cho lực lượng công an nhân dân; chỉ đạo công an các đơn vị, địa phương chủ động, tích cực tham gia xây dựng kế hoạch phòng, chống tác hại của thuốc lá trên địa bàn, công tác thanh tra, kiểm tra, xử lý vi phạm các quy định về phòng, chống tác hại của thuốc lá.

b) Phối hợp với Sở Công Thương và các cơ quan có liên quan đẩy mạnh công tác phòng, chống kinh doanh thuốc lá bất hợp pháp.

10. Bộ chỉ huy quân sự tỉnh: Tăng cường hoạt động phòng, chống tác hại của thuốc lá trong các đơn vị trực thuộc Bộ chỉ huy quân sự tỉnh; phối hợp với Sở, ngành chức năng tham gia công tác chống buôn lậu thuốc lá.

11. Cục Quản lý thị trường: Chủ trì kiểm tra, kiểm soát việc lưu thông sản phẩm thuốc lá trên thị trường; xử lý nghiêm các hành vi, vi phạm về kinh doanh thuốc lá.

12. Sở Lao động - Thương binh và Xã hội

a) Tăng cường truyền thông, giáo dục cho học sinh, sinh viên, cán bộ nhân viên trong ngành Lao động - Thương binh và Xã hội về phòng, chống tác hại của thuốc lá, thực hiện các quy định môi trường không khói thuốc; lồng ghép các nội dung phòng, chống tác hại của thuốc lá vào chương trình giảng dạy phù hợp với các cấp học, bậc học thuộc hệ thống cơ sở giáo dục nghề nghiệp.

b) Lồng ghép tuyên truyền phòng, chống tác hại của thuốc lá trong thực hiện Công ước quyền trẻ em mà Việt Nam là thành viên.

13. Sở Giao thông vận tải

a) Thực hiện nghiêm các quy định về cấm hút thuốc lá trên các phương tiện giao thông công cộng theo quy định của Luật phòng, chống tác hại của thuốc lá, xử phạt nghiêm các hành vi vi phạm; lồng ghép truyền thông phòng, chống tác hại của thuốc lá vào các hoạt động truyền thông trong giao thông, vận tải.

b) Phối hợp với các sở, ngành liên quan trong việc ngăn chặn việc buôn lậu các sản phẩm thuốc lá trên các phương tiện giao thông vận tải.

14. Sở Tài nguyên và Môi trường: Tăng cường thực hiện xử lý vi phạm về phòng, chống tác hại của thuốc lá trong phạm vi quản lý; lồng ghép hoạt động phòng, chống tác hại của thuốc lá vào các chương trình, hoạt động bảo vệ môi trường theo định hướng của Kế hoạch.

15. Các sở, ngành khác: Căn cứ chức năng nhiệm vụ được phân công, chủ động tổ chức thực hiện nghiêm các quy định của Luật Phòng, chống tác hại của thuốc lá.

16. Đài Phát thanh - Truyền hình Đồng Nai, Báo Đồng Nai: Tăng thời lượng, mở chuyên trang, chuyên mục, tọa đàm về mục tiêu, ý nghĩa, các nội dung của pháp Luật về phòng, chống tác hại của thuốc lá, tác hại của việc sử dụng thuốc lá đối với sức khỏe con người; Công ước Khung về kiểm soát thuốc lá, tình hình thực hiện các quy định của Luật Phòng, chống tác hại của thuốc lá; tuyên truyền, phổ biến về Nghị định số 117/2020/NĐ-CP ngày 28/9/2020 của Chính phủ quy định về xử phạt hành chính trong lĩnh vực y tế và các Nghị định xử phạt khác có liên quan đến phòng, chống tác hại của thuốc lá; kịp thời đưa tin về các cá nhân, tổ chức thực hiện tốt công tác phòng, chống tác hại của thuốc lá.

17. Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố

a) Kiện toàn Ban Chỉ đạo về phòng, chống tác hại của thuốc lá tại địa phương, phân công nhiệm vụ cụ thể cho thành viên Ban Chỉ đạo; xây dựng chương trình, kế hoạch hoạt động hằng năm để thực hiện Kế hoạch; định kỳ tổ chức sơ kết, tổng kết việc thực hiện và công tác thi đua, khen thưởng trong phòng, chống tác hại của thuốc lá.

b) Xây dựng, tổ chức triển khai thực hiện Kế hoạch hành động thực hiện Chiến lược quốc gia về phòng, chống tác hại của thuốc lá đến năm 2030 tại địa phương; đưa chỉ tiêu giảm tỷ lệ sử dụng thuốc lá vào chỉ tiêu phát triển kinh tế xã hội của địa phương theo từng thời kỳ; lồng ghép hoạt động phòng, chống tác hại của thuốc lá vào các chiến lược, quy hoạch, kế hoạch, chương trình, dự án khác của địa phương; chủ động huy động nguồn lực, bố trí ngân sách hằng năm đáp ứng yêu cầu của công tác phòng, chống tác hại của thuốc lá; định kỳ hằng năm báo cáo kết quả thực hiện Kế hoạch về Sở Y tế để tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh.

c) Tăng cường công tác cấp phép, thanh tra, kiểm tra thương nhân bán lẻ sản phẩm thuốc lá; Thực hiện công tác thanh tra, kiểm tra, xử lý vi phạm đối với công tác phòng, chống tác hại của thuốc lá trên địa bàn quản lý và theo phân công, phân cấp.

d) Tăng cường thực hiện lồng ghép phòng, chống tác hại của thuốc lá trong các phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh”; phong

trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa”... xây dựng lối sống lành mạnh tại cộng đồng dân cư; xây dựng, nhân rộng các mô hình xã, phường, thị trấn, cơ quan, đơn vị điển hình trong công tác phòng, chống tác hại của thuốc lá.

18. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh và các tổ chức chính trị - xã hội: Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh và các tổ chức thành viên, Liên đoàn Lao động tỉnh tuyên truyền, hướng dẫn tiêu chí về phòng, chống tác hại của thuốc lá để đoàn viên, hội viên và các tầng lớp Nhân dân tích cực tham gia các hoạt động phòng, chống tác hại của thuốc lá theo định hướng của Kế hoạch.

Trên đây là Kế hoạch thực hiện Chiến lược quốc gia về phòng, chống tác hại của thuốc lá đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh Đồng Nai. Yêu cầu các Sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố, các tổ chức chính trị - xã hội triển khai thực hiện và định kỳ báo cáo kết quả 06 tháng (trước ngày 15/6), 01 năm (trước ngày 30/12) gửi về Sở Y tế để tổng hợp, báo cáo Bộ Y tế; Ủy ban nhân dân tỉnh theo quy định. Trong quá trình thực hiện có khó khăn, vướng mắc; các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố, các tổ chức chính trị - xã hội báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh (thông qua Sở Y tế) xem xét, quyết định./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Sơn Hùng

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG NAI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 142/KH-UBND

Đồng Nai, ngày 16 tháng 4 năm 2024

KẾ HOẠCH

Thực hiện Chương trình phòng, chống ma túy trong thanh, thiếu niên đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh Đồng Nai

Thực hiện Quyết định số 140/QĐ-TTg ngày 02 tháng 02 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Chương trình phòng, chống ma túy trong thanh, thiếu niên đến năm 2030, Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện như sau:

I. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu tổng quát

Phòng ngừa, ngăn chặn, đẩy lùi tội phạm và tệ nạn ma túy trong thanh, thiếu niên; giảm số lượng thanh, thiếu niên sử dụng trái phép chất ma túy, nghiện ma túy, vi phạm pháp luật về ma túy hằng năm, góp phần xây dựng thể hệ thanh, thiếu niên Việt Nam phát triển toàn diện; có lý tưởng cách mạng; có đạo đức, ý thức công dân, chấp hành pháp luật; có sức khỏe và lối sống lành mạnh; nâng cao vai trò, trách nhiệm của thanh, thiếu niên trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

2. Mục tiêu cụ thể

a) Kiểm chế tỷ lệ gia tăng; tiến tới giảm số lượng thanh, thiếu niên sử dụng trái phép chất ma túy, nghiện ma túy so với năm trước. Bảo đảm quản lý chặt chẽ số thanh, thiếu niên sử dụng trái phép chất ma túy, nghiện ma túy, sau cai nghiện ma túy theo quy định. Đến năm 2025, trên 80% và năm 2030, trên 90% thanh, thiếu niên sử dụng trái phép chất ma túy, nghiện ma túy có hồ sơ quản lý được tư vấn, khám sàng lọc, đánh giá, được giáo dục thay đổi hành vi, điều trị, cai nghiện ma túy thích hợp và thanh, thiếu niên sau cai nghiện ma túy, thanh, thiếu niên chấp hành xong án phạt tù về tội phạm ma túy được hỗ trợ dạy nghề, việc làm và các hoạt động hỗ trợ hòa nhập cộng đồng theo quy định pháp luật.

b) Hằng năm, làm giảm số vụ thanh, thiếu niên phạm tội về ma túy so với năm trước; các điểm, tụ điểm phức tạp về ma túy liên quan đến thanh, thiếu niên được đấu tranh, triệt xóa kịp thời và không để tái hình thành; trên 90% số vụ phạm tội về ma túy phát hiện liên quan đến thanh, thiếu niên được giải quyết, xét xử theo quy định.

c) Hằng năm, tổ chức Đoàn các cấp phát động phong trào thanh niên hưởng ứng, tham gia các hoạt động phòng, chống ma túy. Các tổ chức Đoàn xã, phường, thị trấn trọng điểm, phức tạp về ma túy xây dựng mô hình phòng, chống ma túy; trong đó mỗi năm giúp đỡ, hỗ trợ để cảm hóa được ít nhất 01 thanh, thiếu niên sau cai nghiện ma túy hoặc thanh, thiếu niên chấp hành xong án phạt tù về tội phạm ma túy tái hòa nhập cộng đồng, có việc làm ổn định.

d) Hằng năm, ít nhất 70% cơ sở giáo dục bậc trung học cơ sở trở lên tổ chức tuyên truyền, giáo dục, phổ biến kiến thức về phòng, chống ma túy cho cán bộ, giáo viên, giảng viên, học sinh, sinh viên. Đến năm 2025, trên 80% và năm 2030, 100% cán bộ, giáo viên, giảng viên được tập huấn, trang bị kiến thức, kỹ năng phòng, chống ma túy để có đủ năng lực tổ chức các hoạt động giáo dục phòng, chống ma túy cho học sinh, sinh viên.

II. NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP

1. Tăng cường công tác lãnh đạo, chỉ đạo; nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước về phòng, chống ma túy trong thanh, thiếu niên

a) Cấp ủy đảng, chính quyền các cấp thường xuyên quán triệt, lãnh đạo, chỉ đạo công tác phòng, chống ma túy trong thanh, thiếu niên, gắn với thực hiện quyết liệt, hiệu quả Chỉ thị số 36-CT/TW ngày 16 tháng 8 năm 2019 của Bộ Chính trị về tăng cường, nâng cao hiệu quả công tác phòng, chống và kiểm soát ma túy; Luật Phòng, chống ma túy năm 2021; Luật Thanh niên năm 2020; Chiến lược quốc gia phòng, chống và kiểm soát ma túy ở Việt Nam đến năm 2020 và định hướng đến năm 2030; Chiến lược phát triển thanh niên Việt Nam giai đoạn 2021 - 2030; Chương trình phòng, chống ma túy giai đoạn 2021 - 2025.

- Coi công tác phòng, chống ma túy trong thanh, thiếu niên là nội dung quan trọng, cấp bách trong tổng thể chiến lược quốc gia phòng, chống ma túy, phải được thực hiện quyết liệt, thường xuyên, kiên trì, góp phần bảo vệ và phát huy vai trò của thanh, thiếu niên đối với sự phát triển bền vững của đất nước, của tỉnh; trong đó phát huy vai trò nòng cốt của lực lượng Công an, ngành Giáo dục và Đào tạo, tổ chức Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh các cấp.

- Kết hợp chặt chẽ giữa phòng và chống; lấy phòng ngừa là chính, coi trọng phòng ngừa ngay từ gia đình, cơ sở giáo dục, tổ dân phố, khu dân cư, xã, phường, thị trấn. Chủ động, kịp thời phát hiện sớm và can thiệp sớm đối với thanh, thiếu niên sử dụng trái phép chất ma túy, nghiện ma túy; kết hợp với tăng cường đấu tranh ngăn chặn tội phạm và tệ nạn ma túy xâm nhập vào thanh, thiếu niên.

b) Phát huy vai trò và nâng cao trách nhiệm của người đứng đầu các cấp, tính tiên phong, gương mẫu của mỗi cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức; trước hết không để bản thân và con em trong gia đình vi phạm pháp luật về phòng, chống ma túy. Thực hiện nghiêm Quy định số 69-QĐ/TW ngày 06 tháng 7 năm 2022 của Bộ Chính trị về kỷ luật đối với tổ chức đảng, đảng viên vi phạm, nhất là đối với trường hợp bản thân người đứng đầu, cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức vi phạm pháp luật về phòng, chống ma túy hoặc thiếu trách nhiệm trong quản lý, giáo dục dẫn đến con em hoặc cấp dưới trực tiếp vi phạm pháp luật về phòng, chống ma túy.

c) Nâng cao hiệu lực, hiệu quả công tác phối hợp giữa các cấp, các ngành, nhất là giữa lực lượng Công an, Đoàn Thanh niên, cơ sở giáo dục và các ban, ngành, đoàn thể chính trị - xã hội; kết hợp với tăng cường vai trò, trách nhiệm của mỗi gia đình trong công tác phòng, chống ma túy trong thanh, thiếu niên.

d) Bảo đảm chế độ thông tin, báo cáo đầy đủ, kịp thời, chính xác; xây dựng, cập nhật, khai thác cơ sở dữ liệu về phòng, chống ma túy trong thanh, thiếu niên, phục vụ hiệu quả công tác quản lý nhà nước về phòng, chống ma túy trong thanh, thiếu niên.

đ) Nâng cao hiệu quả công tác quản lý nhà nước về không gian mạng; thực hiện đồng bộ các giải pháp kiểm soát, ngăn chặn, xóa bỏ kịp thời các trang thông tin xấu độc, kích động, lôi kéo thanh, thiếu niên tham gia tội phạm và tệ nạn ma túy; các hội, nhóm trá hình, thông tin hướng dẫn điều chế, sản xuất, mua bán, tàng trữ, vận chuyển, sử dụng trái phép chất ma túy trên không gian mạng.

e) Tăng cường đầu tư nguồn lực, hỗ trợ kinh phí, cơ sở vật chất cho công tác phòng, chống ma túy, cai nghiện ma túy, hỗ trợ thanh, thiếu niên sau cai nghiện ma túy, thanh, thiếu niên chấp hành xong án phạt tù về tội phạm ma túy tái hòa nhập cộng đồng. Đẩy mạnh xã hội hóa, huy động các nguồn lực hợp pháp; phát huy hiệu quả Quỹ hỗ trợ thanh niên khởi nghiệp và các nguồn vốn khác từ Chương trình hỗ trợ thanh niên khởi nghiệp giai đoạn 2022 - 2030.

g) Lồng ghép nhiệm vụ phòng, chống ma túy trong thanh, thiếu niên với thực hiện các chính sách, chương trình phát triển kinh tế - xã hội, xóa đói giảm nghèo, bảo đảm an sinh xã hội, tạo công ăn việc làm, khắc phục tình trạng thiếu việc làm trong thanh niên.

h) Tăng cường kiểm tra, giám sát, đôn đốc thực hiện công tác phòng, chống ma túy trong thanh, thiếu niên tại các cơ quan, đơn vị, cơ sở giáo dục, địa phương.

2. Hoàn thiện hệ thống chính sách, pháp luật về phòng, chống ma túy trong thanh, thiếu niên

a) Thường xuyên nghiên cứu, chủ động nắm tình hình, nhận diện xu hướng thanh, thiếu niên sử dụng trái phép các chất ma túy, chất gây nghiện, chất hướng thần mới để kịp thời đề xuất bổ sung vào danh mục chất ma túy và tiền chất để quản lý.

b) Nghiên cứu đề xuất sửa đổi, bổ sung, hoàn thiện quy định pháp luật về an toàn thực phẩm; phòng, chống tác hại của thuốc lá, nhất là quản lý chặt chẽ các loại thuốc lá điện tử, thuốc lá nung nóng, thuốc lá thế hệ mới, shisha... để phòng ngừa tình trạng ma túy “núp bóng”, pha trộn, tẩm ướp vào các loại thực phẩm, thuốc lá... xâm nhập vào thanh, thiếu niên, học sinh, sinh viên.

c) Nghiên cứu tham mưu sửa đổi, bổ sung, hoàn thiện các cơ chế phối hợp liên ngành về phòng, chống ma túy trong thanh, thiếu niên phù hợp với thực tiễn, nhất là giữa lực lượng Công an với các cấp bộ đoàn, ngành giáo dục và ban, ngành, đoàn thể chính trị - xã hội có liên quan.

d) Nghiên cứu, tham mưu sửa đổi, bổ sung chế độ, chính sách hỗ trợ cho thanh, thiếu niên tham gia cai nghiện ma túy, tạo việc làm sau cai nghiện ma túy; xây dựng cơ chế đặc thù, chính sách tạo điều kiện, khuyến khích các doanh nghiệp, cơ sở sản xuất, kinh doanh tiếp nhận thanh, thiếu niên sử dụng trái phép chất ma túy; thanh, thiếu niên nghiện ma túy đang tham gia điều trị nghiện các chất dạng thuốc phiện bằng thuốc thay thế; thanh, thiếu niên sau cai nghiện ma túy và thanh, thiếu niên chấp hành xong án phạt tù vào làm việc.

3. Tăng cường công tác tuyên truyền, giáo dục phòng, chống ma túy trong thanh, thiếu niên

a) Tập trung tuyên truyền, giáo dục, nâng cao nhận thức pháp luật về phòng, chống ma túy, cảnh báo trực diện cho thanh, thiếu niên, học sinh, sinh viên và phụ

huynh về hậu quả, tác hại, hiểm họa của ma túy, nhất là ma túy tổng hợp, chất hướng thần, các loại ma túy “núp bóng”, pha trộn, tẩm ướp vào thực phẩm, đồ uống, thuốc lá điện tử, thuốc lá thế hệ mới, shisha...; phương thức, thủ đoạn lôi kéo thanh, thiếu niên tham gia vào hoạt động phạm tội và tệ nạn ma túy; cách thức nhận biết, kỹ năng phòng ngừa, chủ động tham gia tố giác và cung cấp thông tin về tội phạm, tệ nạn ma túy cho cơ quan chức năng.

b) Tổ chức tuyên truyền cá biệt tập trung vào nhóm đối tượng có nguy cơ cao như thanh, thiếu niên sau cai nghiện ma túy, không có công ăn việc làm, có tiền án, tiền sự; học sinh, sinh viên cá biệt; thanh, thiếu niên vùng dân tộc thiểu số, khu vực miền núi, vùng sâu, vùng xa; thanh, thiếu niên có hoàn cảnh đặc biệt khác.

c) Đa dạng hóa các hình thức, biện pháp tuyên truyền với nội dung dễ hiểu, dễ nhớ, dễ thực hiện, phù hợp với từng nhóm đối tượng, vùng miền; kết hợp giữa truyền thông đại chúng với tuyên truyền trực tiếp đến từng gia đình, tổ dân phố, cụm dân cư và các cơ sở giáo dục. Tổ chức các đợt cao điểm tuyên truyền phòng, chống ma túy cho thanh, thiếu niên hưởng ứng Tháng Hành động phòng, chống ma túy (tháng 6), Ngày Quốc tế phòng, chống ma túy và Ngày Toàn dân phòng, chống ma túy (26 tháng 6); Tháng Thanh niên, Ngày thành lập Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh (26 tháng 3); Ngày Pháp luật Việt Nam (09 tháng 11).

d) Đẩy mạnh khai thác, sử dụng có hiệu quả các phương tiện truyền thông hiện đại và các thành tựu khoa học - công nghệ, nhất là Internet, không gian mạng để tuyên truyền, tương tác trực tuyến giữa thanh, thiếu niên với cơ quan chức năng trong công tác phòng, chống ma túy.

đ) Xây dựng, chuẩn hóa các chương trình, tài liệu tuyên truyền, giáo dục phòng, chống ma túy cho thanh, thiếu niên, phù hợp với đối tượng, vùng miền. Tổ chức đào tạo, bồi dưỡng, tập huấn nâng cao năng lực, kiến thức và kỹ năng cần thiết cho đội ngũ tuyên truyền viên, cán bộ, giáo viên để làm tốt công tác tuyên truyền, giáo dục phòng, chống ma túy.

e) Nâng cao vai trò, trách nhiệm của các cơ quan thông tin, truyền thông, tổ chức Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh các cấp và trách nhiệm của ngành giáo dục. Lồng ghép nội dung tuyên truyền, giáo dục phòng, chống ma túy trong các hoạt động văn hóa, nghệ thuật, thể dục, thể thao cho thanh, thiếu niên, học sinh, sinh viên tại địa bàn cơ sở và các cơ sở giáo dục. Xây dựng, nhân rộng các mô hình, điển hình tiên tiến; kịp thời biểu dương, khen thưởng các tập thể, cá nhân, đoàn viên, thanh, thiếu niên, học sinh, sinh viên tích cực tham gia công tác phòng, chống ma túy.

4. Nâng cao hiệu quả công tác cai nghiện ma túy; điều trị nghiện ma túy; quản lý chặt chẽ thanh, thiếu niên sử dụng trái phép chất ma túy, nghiện ma túy và quản lý, hỗ trợ thanh, thiếu niên sau cai nghiện ma túy tái hòa nhập cộng đồng

a) Thường xuyên rà soát, thống kê, lập danh sách thanh, thiếu niên sử dụng trái phép chất ma túy, nghiện ma túy và sau cai nghiện ma túy; bảo đảm có hồ sơ quản lý chặt chẽ và số thanh, thiếu niên nghiện ma túy được hỗ trợ tư vấn pháp lý và xã hội, chuyển gửi và cai nghiện phù hợp. Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin; khai thác hiệu quả Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư trong công tác quản lý thanh, thiếu

niên sử dụng trái phép chất ma túy, nghiện ma túy; quản lý, tư vấn, cung cấp dịch vụ cai nghiện ma túy và quản lý thanh, thiếu niên sau cai nghiện.

b) Tăng cường vai trò, trách nhiệm, phối hợp thường xuyên, chặt chẽ giữa chính quyền địa phương và gia đình, lực lượng Công an, Đoàn Thanh niên, Y tế, Lao động - Thương binh và Xã hội và các đoàn thể ở cơ sở trong công tác quản lý thanh, thiếu niên sử dụng trái phép chất ma túy, nghiện ma túy và quản lý, hỗ trợ thanh, thiếu niên sau cai nghiện ma túy tái hòa nhập cộng đồng.

c) Chủ động phát hiện sớm và can thiệp sớm đối với thanh, thiếu niên sử dụng trái phép chất ma túy, nghiện ma túy thông qua sàng lọc, kiểm tra đối với số thanh, thiếu niên, học sinh, sinh viên có nguy cơ cao tại các cơ sở giáo dục và trong cộng đồng, bảo đảm theo quy định Luật Phòng, chống ma túy. Triển khai các giải pháp nâng cao hiệu quả công tác phòng ngừa nghiện ma túy đối với nhóm thanh, thiếu niên sử dụng trái phép chất ma túy và thanh, thiếu niên có nguy cơ cao.

d) Nâng cao hiệu quả công tác cai nghiện ma túy, nhất là cai nghiện tự nguyện tại gia đình, cộng đồng theo hướng tạo điều kiện cho thanh, thiếu niên nghiện ma túy được tham gia cai nghiện ngay tại địa bàn cơ sở. Bảo đảm cơ sở vật chất, nhân lực cho các cơ sở cai nghiện công lập đáp ứng yêu cầu công tác cai nghiện cho người từ đủ 12 tuổi đến dưới 18 tuổi theo quy định.

đ) Tổ chức đào tạo, tập huấn nâng cao năng lực chuyên môn nghiệp vụ phù hợp cho cán bộ quản lý, cán bộ thực hiện công tác tư vấn, điều trị, cai nghiện ma túy đối với thanh, thiếu niên sử dụng trái phép chất ma túy, nghiện ma túy.

e) Bảo đảm công tác giáo dục phổ thông và đẩy mạnh công tác đào tạo, dạy nghề, hướng nghiệp cho thanh, thiếu niên tham gia cai nghiện ma túy tại các cơ sở cai nghiện phù hợp với từng lứa tuổi và nhu cầu thực tiễn. Xây dựng chính sách, mô hình tư vấn, hỗ trợ, giới thiệu việc làm, tạo việc làm, giới thiệu nguồn vốn vay cho thanh, thiếu niên sau cai nghiện lập nghiệp, hòa nhập cộng đồng tại các địa phương.

g) Xây dựng đường dây nóng về tư vấn cai nghiện ma túy, mạng lưới tư vấn, hỗ trợ về y tế, tâm lý, pháp luật, trợ giúp pháp lý, việc làm cho thanh, thiếu niên và gia đình có con em sử dụng trái phép chất ma túy, nghiện ma túy tại các địa bàn trọng điểm, phức tạp về ma túy.

5. Đẩy mạnh công tác đấu tranh phòng, chống tội phạm và vi phạm pháp luật về ma túy nhằm ngăn chặn ma túy tác động đến thanh, thiếu niên

a) Các lực lượng chuyên trách phòng, chống tội phạm về ma túy, chủ công, nòng cốt là lực lượng Công an thường xuyên nắm, phân tích, đánh giá, nhận diện, dự báo chính xác tình hình tội phạm và vi phạm pháp luật về ma túy, chủ động triển khai các kế hoạch, biện pháp nghiệp vụ phòng ngừa, đấu tranh hiệu quả, không để tình hình ma túy trong thanh, thiếu niên diễn biến phức tạp.

b) Tổ chức triển khai đồng bộ các biện pháp nghiệp vụ nhằm kịp thời phát hiện, đấu tranh triệt phá các đường dây, tổ chức, băng nhóm, điểm, tụ điểm phức tạp về ma túy liên quan đến thanh, thiếu niên, nhất là các hoạt động ma túy “núp bóng”; hoạt động mua bán, tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy trong các cơ sở kinh doanh có điều kiện và dịch vụ nhạy cảm về an ninh trật tự; hoạt động mua bán, vận chuyển, lôi kéo, tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy liên quan đến không gian mạng.

c) Nâng cao chất lượng công tác tiếp nhận, giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm, kiến nghị khởi tố và công tác điều tra, xử lý tội phạm ma túy; thực hiện các chính sách trợ giúp pháp lý, thủ tục tố tụng hình sự thân thiện đối với người dưới 18 tuổi, nhất là liên quan đến các hành vi tổ chức, cưỡng bức, lôi kéo người dưới 18 tuổi sử dụng trái phép chất ma túy, chứa chấp người dưới 16 tuổi sử dụng trái phép chất ma túy.

d) Kiểm soát chặt chẽ các hoạt động hợp pháp liên quan đến ma túy, không để tội phạm ma túy lợi dụng vào việc sản xuất, mua bán trái phép các chất ma túy. Tăng cường công tác quản lý nhà nước, quản lý địa bàn đối với các cơ sở kinh doanh có điều kiện và dịch vụ nhạy cảm về an ninh trật tự, các điểm, tụ điểm phức tạp xung quanh các cơ sở giáo dục, địa bàn tập trung đông thanh niên công nhân lao động tại các khu công nghiệp, chế xuất, dự án xây dựng đô thị... để phòng ngừa, phát hiện, đấu tranh, xử lý nghiêm các hành vi mua bán, tổ chức sử dụng, lôi kéo thanh, thiếu niên, học sinh, sinh viên sử dụng trái phép chất ma túy.

đ) Thường xuyên tổ chức đào tạo, tập huấn, bồi dưỡng, cập nhật kiến thức pháp luật, nghiệp vụ chuyên sâu, đặc thù cho điều tra viên, kiểm sát viên, thẩm phán về kỹ năng xử lý các vụ việc, vụ án về ma túy liên quan đến thanh, thiếu niên, phù hợp với đặc điểm tâm sinh lý của đối tượng đấu tranh, xử lý.

III. PHÂN CÔNG TRÁCH NHIỆM

1. Công an tỉnh

a) Chủ trì, phối hợp Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh tỉnh, các cơ quan liên quan tham mưu UBND tỉnh tổ chức triển khai, hướng dẫn, đôn đốc các sở, ngành, các huyện, thành phố thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp của Chương trình gắn với các Chiến lược, Chương trình, Đề án, Dự án khác của Chính phủ, Bộ, ngành và địa phương, nhất là liên quan đến lĩnh vực phòng, chống ma túy và phát triển thanh, thiếu niên.

b) Chủ động nắm, phân tích, đánh giá, nhận diện, dự báo chính xác tình hình để triển khai các kế hoạch, phương án đấu tranh, triệt xóa các băng nhóm, tổ chức, đường dây tội phạm ma túy; các điểm, tụ điểm mua bán, tổ chức sử dụng, chứa chấp sử dụng trái phép chất ma túy liên quan đến thanh, thiếu niên.

c) Thường xuyên kiểm tra, giám sát chặt chẽ các cơ sở kinh doanh có điều kiện và dịch vụ nhạy cảm về an ninh trật tự để phòng ngừa và kịp thời phát hiện, đấu tranh, xử lý các hành vi mua bán, tổ chức sử dụng và lôi kéo thanh, thiếu niên, học sinh, sinh viên sử dụng trái phép chất ma túy, thực hiện các hành vi vi phạm pháp luật về ma túy. Tổ chức kiểm duyệt, phát hiện, điều tra, xử lý nghiêm các tổ chức, cá nhân giới thiệu, hướng dẫn sản xuất, điều chế ma túy tổng hợp, quảng cáo mua bán, lôi kéo thanh, thiếu niên sử dụng trái phép các chất ma túy trên không gian mạng.

d) Định kỳ phối hợp rà soát, thống kê, lập danh sách thanh, thiếu niên sử dụng trái phép chất ma túy, nghiện ma túy, sau cai nghiện ma túy để có biện pháp quản lý chặt chẽ ngay tại địa bàn cơ sở, nhất là quản lý về cư trú, kết hợp với tuyên truyền, giáo dục, tư vấn, giúp đỡ tái hòa nhập cộng đồng; kịp thời phát hiện, ngăn chặn, xử lý các hành vi sử dụng trái phép chất ma túy và các hành vi vi phạm pháp luật về ma

túy. Cập nhật, khai thác cơ sở dữ liệu về tình hình tội phạm và tệ nạn ma túy trong thanh, thiếu niên trên nền tảng cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư.

đ) Tổ chức kiểm tra, sàng lọc, phát hiện việc sử dụng ma túy đối với số thanh, thiếu niên có nguy cơ cao trong cộng đồng thông qua công tác quản lý, theo dõi, giám sát hoặc kết hợp với triển khai kế hoạch tuần tra, kiểm soát, xử lý vi phạm theo chuyên đề thanh, thiếu niên điều khiển phương tiện giao thông mà trong cơ thể có chất ma túy bảo đảm theo quy định pháp luật... Chủ động phối hợp chặt chẽ với Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, Y tế, Tòa án trong công tác xác định tình trạng nghiện; áp dụng các biện pháp hỗ trợ tư vấn pháp lý và xã hội, chuyển gửi và cai nghiện phù hợp đối với thanh, thiếu niên nghiện ma túy.

e) Rà soát, sửa đổi, bổ sung, ban hành hoặc đề xuất cấp có thẩm quyền ban hành chính sách, pháp luật về phòng, chống ma túy trong thanh, thiếu niên phù hợp với thực tiễn. Tăng cường chỉ đạo, hướng dẫn triển khai thực hiện các chính sách tổ tụng hình sự thân thiện trong điều tra, xử lý các vụ án xâm hại người dưới 18 tuổi, nhất là liên quan đến các hành vi tổ chức, cưỡng bức, lôi kéo người dưới 18 tuổi sử dụng trái phép chất ma túy, chứa chấp người dưới 16 tuổi sử dụng trái phép chất ma túy.

g) Chủ trì, phối hợp với các sở, ngành, đoàn thể, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố tăng cường tuyên truyền phòng, chống ma túy trong thanh, thiếu niên với nhiều hình thức phong phú, phù hợp với lứa tuổi, vùng miền; tập trung tuyên truyền trên không gian mạng, ứng dụng khoa học công nghệ, Internet, hệ thống mạng xã hội; xây dựng các phần mềm ứng dụng trên điện thoại di động thông minh để tuyên truyền, tương tác trực tuyến giữa thanh, thiếu niên với cơ quan chức năng nhằm chủ động phòng ngừa và đấu tranh với tội phạm, tệ nạn ma túy.

h) Tổ chức đào tạo, dạy nghề, hướng nghiệp cho thanh, thiếu niên là các học viên, phạm nhân chấp hành án phạt tù liên quan đến tội phạm và vi phạm pháp luật về ma túy tại các trại tạm giam, nhà tạm giữ do Công an tỉnh quản lý. Phối hợp với các sở, ngành liên quan nghiên cứu, đề xuất xây dựng các mô hình tư vấn, hỗ trợ, giới thiệu việc làm, tạo việc làm, giới thiệu nguồn vốn vay cho thanh, thiếu niên chấp hành xong án phạt tù lập nghiệp, ổn định cuộc sống.

i) Phối hợp với Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh tỉnh, Sở Giáo dục và Đào tạo, các sở, ngành liên quan hàng năm tổ chức đào tạo, tập huấn, bồi dưỡng nâng cao trình độ, kỹ năng tuyên truyền phòng, chống ma túy cho đội ngũ cán bộ, giáo viên, báo cáo viên, tuyên truyền viên ở các cơ quan, đơn vị, cơ sở giáo dục và các địa phương.

k) Phối hợp với Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh tỉnh và các sở, ngành, cơ quan liên quan định kỳ kiểm tra, đánh giá kết quả thực hiện Chương trình và tham mưu UBND tỉnh báo cáo Thủ tướng Chính phủ, Bộ Công an; tổ chức sơ kết việc thực hiện Chương trình vào năm 2026, tổng kết vào năm 2030.

l) Chủ trì, phối hợp với Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh tỉnh, Sở Tài Chính, Sở Kế hoạch và Đầu tư đề xuất cấp có thẩm quyền xem xét bố trí kinh phí bảo đảm triển khai thực hiện có hiệu quả Chương trình.

2. Sở Giáo dục và Đào tạo, các trường đại học, cao đẳng, trung cấp trên địa bàn tỉnh

a) Phối hợp Công an tỉnh xây dựng kế hoạch liên ngành chỉ đạo triển khai có hiệu quả Chương trình phối hợp giữa Bộ Công an với Bộ Giáo dục và Đào tạo về tăng cường công tác tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật phòng, chống ma túy trong các cơ sở giáo dục giai đoạn 2024 - 2030 (Chương trình phối hợp số 03/CTrPH-BCA-BGDĐT ngày 22/01/2024); tiếp tục triển khai thực hiện có hiệu quả Kế hoạch liên tịch số 1301/KHLT-SGDĐT-SLĐTBXH-CAT-SYT ngày 10/4/2023 của Sở Giáo dục và Đào tạo, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, Công an tỉnh và Sở Y tế về thực hiện Chương trình phòng, chống ma túy và phòng, chống tội phạm trong ngành giáo dục tỉnh đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2030. Tổ chức thực hiện Chương trình gắn với Dự án “Tăng cường năng lực phòng, chống ma túy trong trường học đến năm 2025” theo hướng dẫn của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

b) Xây dựng, triển khai bộ tài liệu tuyên truyền, giáo dục phòng, chống ma túy thống nhất cho học sinh, sinh viên các cấp học, phù hợp với đối tượng, vùng miền. Tăng cường tuyên truyền cho học sinh, sinh viên và phụ huynh về hậu quả, tác hại của ma túy, đặc biệt là ma túy tổng hợp, các chất gây nghiện, chất hướng thần, ma túy “núp bóng” các loại thực phẩm, đồ uống, thuốc lá điện tử, thuốc lá thế hệ mới, dưới các dạng như tem giấy, bùa lười, cỏ Mỹ...; cách thức nhận biết và kỹ năng phòng tránh... Tổ chức cho cán bộ, giáo viên, giảng viên, học sinh, sinh viên ký cam kết không vi phạm pháp luật về ma túy.

c) Tổ chức thực hiện chương trình giáo dục về phòng, chống ma túy cho học sinh, sinh viên; lồng ghép nội dung giáo dục phòng, chống ma túy vào chương trình, giáo dục, các hoạt động trải nghiệm, hoạt động ngoại khóa. Mở rộng các hình thức tuyên truyền, giáo dục phòng, chống ma túy thông qua tổ chức các hoạt động thực tế cho học sinh, sinh viên như tham dự các phiên tòa diễn, phiên tòa giả định, tham quan các cơ sở cai nghiện ma túy, trại tạm giam, nhà tạm giữ tại các địa phương.

d) Tổ chức kiểm tra, khảo sát, đánh giá thực trạng tình hình tệ nạn ma túy và công tác phòng, chống ma túy tại các cơ sở giáo dục để đề ra giải pháp tổng thể, phù hợp. Tăng cường công tác quản lý học sinh, sinh viên; chủ động rà soát, phát hiện học sinh, sinh viên liên quan đến tội phạm và tệ nạn ma túy để kịp thời phối hợp với các cơ quan có liên quan có giải pháp giáo dục, quản lý và xử lý theo quy định. Xây dựng mô hình cung cấp, tiếp nhận thông tin tố giác về tệ nạn ma túy liên quan đến học sinh, sinh viên trong các cơ sở giáo dục; xây dựng mô hình “Trường học không ma túy”; bảo đảm môi trường giáo dục, học tập an toàn, văn minh trong các cơ sở giáo dục, khu ký túc xá, khu nhà trọ ngoại trú của học sinh, sinh viên và khu vực xung quanh các cơ sở giáo dục để phòng ngừa tội phạm và tệ nạn ma túy xâm nhập vào học sinh, sinh viên.

đ) Tổ chức tập huấn, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ, kỹ năng về phòng, chống ma túy cho cán bộ, giáo viên, giảng viên để nâng cao năng lực thực hiện các hoạt động tuyên truyền, giáo dục phòng, chống ma túy cho học sinh, sinh viên.

3. Sở Lao động - Thương binh và Xã hội

a) Chỉ đạo, hướng dẫn triển khai nâng cấp, sửa chữa, xây mới và bảo đảm nhân lực cho cơ sở cai nghiện ma túy, cơ sở trợ giúp xã hội công lập. Tăng cường đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị, nhân lực bảo đảm điều kiện cai nghiện ma túy; thực hiện

chương trình giáo dục phổ thông, học văn hóa cho người từ đủ 12 tuổi đến dưới 18 tuổi và thanh, thiếu niên nghiện ma túy theo quy định. Tổ chức đào tạo, dạy nghề, hướng nghiệp cho thanh, thiếu niên tham gia cai nghiện ma túy phù hợp với từng lứa tuổi, vùng miền.

b) Chỉ đạo triển khai các giải pháp nâng cao hiệu quả công tác phòng ngừa nghiện ma túy đối với nhóm thanh, thiếu niên có nguy cơ cao và thanh, thiếu niên sử dụng trái phép chất ma túy; các giải pháp nhằm phát hiện sớm và can thiệp sớm đối với thanh, thiếu niên sử dụng trái phép chất ma túy, nghiện ma túy. Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra các cơ sở kinh doanh dịch vụ có điều kiện, nhằm phòng ngừa, không để thanh, thiếu niên lợi dụng tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy và phòng ngừa các hoạt động liên quan đến tội phạm ma túy.

c) Chủ trì, phối hợp với Công an tỉnh rà soát, thống kê số thanh, thiếu niên chấp hành xong án phạt tù hoặc đã chấp hành xong các quyết định xử lý hành chính đưa vào Cơ sở giáo dục, Trường giáo dưỡng trở về địa phương có liên quan đến ma túy để có kế hoạch hỗ trợ, dạy nghề, hướng nghiệp giúp họ có việc làm ổn định cuộc sống.

d) Chủ trì, phối hợp với các đơn vị có liên quan xây dựng các văn bản hướng dẫn về công tác cai nghiện ma túy và quản lý sau cai nghiện ma túy cho thanh, thiếu niên nghiện ma túy. Nâng cao hiệu quả công tác cai nghiện ma túy, nhất là biện pháp cai nghiện tự nguyện tại gia đình, cộng đồng theo hướng tạo điều kiện cho thanh, thiếu niên nghiện ma túy được tham gia cai nghiện ma túy ngay tại địa bàn cơ sở.

đ) Xây dựng các mô hình tư vấn, hỗ trợ, giới thiệu việc làm, tạo việc làm, giới thiệu nguồn vốn vay cho gia đình có thanh, thiếu niên sau cai nghiện ma túy lập nghiệp, hoà nhập cộng đồng; giới thiệu, định hướng cho thanh, thiếu niên nghiện ma túy đang tham gia điều trị nghiện các chất dạng thuốc phiện bằng thuốc thay thế và sau cai nghiện ma túy được tiếp cận, tham gia các mô hình làm kinh tế, sản xuất kinh doanh tại các địa phương.

e) Chủ trì, phối hợp với Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh và các sở, ngành liên quan nghiên cứu đề xuất chính sách hỗ trợ cho vay tín dụng dành cho thanh, thiếu niên sau cai nghiện ma túy để được học nghề, sản xuất kinh doanh, tái hòa nhập cộng đồng và hỗ trợ các doanh nghiệp, cơ sở sản xuất kinh doanh xây dựng, phát triển các mô hình tạo công ăn, việc làm cho thanh, thiếu niên sau cai nghiện ma túy, thanh, thiếu niên chấp hành xong án phạt tù vào làm việc.

g) Xây dựng đường dây nóng về tư vấn cai nghiện ma túy, mạng lưới tư vấn, hỗ trợ về y tế, tâm lý, pháp lý, việc làm cho thanh, thiếu niên và gia đình có con em sử dụng trái phép chất ma túy, nghiện ma túy tại các địa bàn cơ sở trọng điểm, phức tạp về ma túy.

h) Tổ chức đào tạo, tập huấn nâng cao năng lực về chuyên môn nghiệp vụ phù hợp cho cán bộ quản lý, cán bộ thực hiện công tác tư vấn, điều trị, cai nghiện ma túy đối với thanh, thiếu niên sử dụng trái phép chất ma túy, nghiện ma túy. Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý, tư vấn, cung cấp dịch vụ cai nghiện ma túy cho thanh, thiếu niên nghiện ma túy, sau cai nghiện ma túy.

i) Tham mưu, đề xuất, triển khai các chương trình, giải pháp tổng thể bảo đảm chính sách hỗ trợ, can thiệp, giảm tác hại (chăm sóc y tế, trợ giúp xã hội, hỗ trợ giáo dục, đào tạo và giáo dục nghề nghiệp, trợ giúp pháp lý, tư vấn, điều trị tâm lý, giới thiệu việc làm...) đối với nhóm đối tượng có nguy cơ cao, thanh, thiếu niên, trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt (trẻ em đang hưởng trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội, trẻ em bị ảnh hưởng bởi thiên tai, dịch bệnh và các sự cố bất khả kháng, trẻ em là nạn nhân bị bóc lột, cưỡng bức lao động, đã từng vi phạm pháp luật đang bị giáo dục tại xã, phường, thị trấn...).

4. Sở Y tế

a) Chỉ đạo, hướng dẫn Trung tâm Y tế các huyện, thành phố rà soát, bảo đảm cơ sở vật chất, nhân lực và công bố cơ sở y tế đủ điều kiện xác định tình trạng nghiện ma túy, nhất là Trạm y tế cấp xã để kịp thời phát hiện thanh, thiếu niên nghiện ma túy tại địa bàn cơ sở và áp dụng các biện pháp cai nghiện ma túy phù hợp.

b) Triển khai các giải pháp can thiệp giảm tác hại cho thanh, thiếu niên sử dụng trái phép chất ma túy, nghiện ma túy và các giải pháp điều trị cho thanh, thiếu niên nghiện ma túy tổng hợp theo hướng dẫn của Bộ Y tế.

c) Nghiên cứu, tham mưu UBND tỉnh các nội dung thuộc thẩm quyền trong công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát thực hiện quy định pháp luật về an toàn thực phẩm và phòng, chống tác hại của thuốc lá để phòng ngừa hoạt động ma túy “núp bóng” các loại thực phẩm, thuốc lá điện tử, thuốc lá thế hệ mới...

5. Sở Thông tin và Truyền thông

a) Chỉ đạo các cơ quan báo chí tăng thời lượng và đa dạng các hình thức, biện pháp, nội dung truyền thông về phòng, chống ma túy trong thanh, thiếu niên trên các phương tiện thông tin đại chúng và trên không gian mạng. Phối hợp với các sở, ban, ngành, các huyện, thành phố chủ động định hướng, cung cấp thông tin chính xác, kịp thời cho báo chí và các phương thức truyền thông khác về công tác phòng, chống ma túy trong thanh, thiếu niên.

b) Phối hợp chặt chẽ Công an tỉnh tăng cường kiểm soát, xác thực các tài khoản trên mạng xã hội; quản lý dịch vụ Internet và thông tin trên mạng để phòng ngừa, kiến nghị các cơ quan, tổ chức có liên quan đấu tranh, xử lý nghiêm các tổ chức, cá nhân giới thiệu, hướng dẫn sản xuất, điều chế ma túy tổng hợp; quảng cáo mua bán, lôi kéo thanh, thiếu niên sử dụng trái phép các chất ma túy và tham gia các hoạt động tội phạm và tệ nạn ma túy trên không gian mạng.

6. Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch

a) Chỉ đạo triển khai lồng ghép công tác tuyên truyền phòng, chống ma túy trong thanh, thiếu niên vào các hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể thao, du lịch; phát huy hệ thống thiết chế văn hóa ở cơ sở, tổ chức các sân chơi bổ ích, lành mạnh cho thanh, thiếu niên, gắn với phong trào xây dựng ấp, bản, tổ dân phố văn hóa.

b) Tăng cường công tác quản lý, hướng dẫn các hoạt động dịch vụ văn hóa, thể thao, du lịch; phối hợp các sở, ngành liên quan trao đổi thông tin, thanh tra, kiểm tra liên ngành, kịp thời phát hiện và xử lý nghiêm đối với các hành vi vi phạm liên quan đến ma túy, các hành vi dễ nhận thấy, kéo dài như: hoạt động quá giờ; hoạt động

không phép, thiếu phép; mua bán, kinh doanh “bóng cười”, các loại ma túy “núp bóng” dưới dạng thực phẩm, đồ uống, thuốc lá điếu, thuốc lá điện tử, thảo mộc... tại các cơ sở có biểu hiện nghi vấn liên quan đến hoạt động của tội phạm, tệ nạn ma túy nhằm phòng ngừa, không để thanh, thiếu niên lợi dụng tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy và các hoạt động liên quan đến tội phạm và tệ nạn ma túy.

7. Sở Tài chính

Hàng năm, trên cơ sở đề xuất của Công an tỉnh, các sở, ngành liên quan, Sở Tài chính tổng hợp nhu cầu kinh phí, căn cứ khả năng cân đối của ngân sách tỉnh báo cáo cấp có thẩm quyền xem xét, bố trí kinh phí chi thường xuyên trong dự toán ngân sách nhà nước của các đơn vị theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước, các văn bản hướng dẫn và theo đúng phân cấp ngân sách hiện hành.

8. Sở Nội vụ

Hướng dẫn, đôn đốc các sở, ngành, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố triển khai thực hiện Chiến lược Phát triển thanh niên Việt Nam giai đoạn 2021 - 2030 gắn với triển khai Chương trình phòng, chống ma túy trong thanh, thiếu niên đến năm 2030. Phối hợp với Công an tỉnh, các cơ quan liên quan rà soát, đề xuất sửa đổi, bổ sung, chính sách, pháp luật về thanh, thiếu niên phù hợp với thực tiễn, yêu cầu công tác phòng, chống ma túy theo từng giai đoạn trên địa bàn tỉnh.

9. Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh

Chỉ đạo các cơ quan, đơn vị, tổ chức Đoàn trong Quân đội phối hợp cơ quan, đơn vị, tổ chức Đoàn nơi đóng quân đẩy mạnh hoạt động tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về phòng, chống ma túy cho thanh, thiếu niên; xây dựng, nhân rộng các mô hình thanh, thiếu niên xung kích tham gia phòng, chống ma túy ở khu vực giáp ranh, các địa bàn trọng điểm về ma túy.

10. Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Công Thương, Cục Quản lý thị trường tỉnh

Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Công Thương, Cục Quản lý thị trường và Công an tỉnh phối hợp, siết chặt công tác quản lý nhà nước, nhất là trong thẩm định, cấp mới, cấp lại, thu hồi giấy phép hoạt động tại các cơ sở kinh doanh có điều kiện và dịch vụ nhạy cảm về ANTT; trong cấp phép, sản xuất, kinh doanh khí N₂O; phối hợp các sở, ngành liên quan thanh tra, kiểm tra liên ngành, kịp thời phát hiện và xử lý nghiêm đối với các trường hợp sản xuất, kinh doanh, mua bán các sản phẩm có chứa tiền chất ma túy, chất ma túy “núp bóng” pha trộn, đóng gói dưới dạng thực phẩm, đồ uống, thuốc lá điện tử, thảo mộc... lưu hành trái phép trên địa bàn tỉnh.

11. Báo Đồng Nai, Đài Phát thanh - Truyền hình Đồng Nai

Tổ chức thực hiện tốt công tác tuyên truyền, chỉ đạo các đơn vị trực thuộc đa dạng hóa các hình thức, nội dung thông tin tuyên truyền; xây dựng các chuyên trang, chuyên mục, tiểu mục, thông điệp tuyên truyền về phòng, chống ma túy trong thanh, thiếu niên; tăng thời lượng, tần suất phát sóng vào khung giờ có nhiều người theo dõi các nội dung tuyên truyền pháp luật về phòng, chống ma túy, tác hại của ma túy đối với giới trẻ, gương điển hình, mô hình phòng, chống ma túy, cai nghiện ma túy hiệu quả trong thanh, thiếu niên...

12. Đề nghị Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh Đồng Nai

Chỉ đạo Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh phối hợp với Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, Công an tỉnh và các sở, ngành liên quan nghiên cứu, đề xuất ban hành chính sách hỗ trợ cho vay tín dụng dành cho thanh, thiếu niên sau cai nghiện ma túy để được học nghề, sản xuất kinh doanh, tái hòa nhập cộng đồng và hỗ trợ các doanh nghiệp, cơ sở sản xuất kinh doanh xây dựng, phát triển các mô hình tạo công ăn, việc làm cho thanh, thiếu niên sau cai nghiện ma túy, thanh, thiếu niên chấp hành xong án phạt tù vào làm việc.

13. Đề nghị Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh tỉnh

a) Xây dựng chương trình, kế hoạch chỉ đạo Đoàn Thanh niên các cấp phát huy vai trò xung kích, phối hợp chặt chẽ với lực lượng Công an, ngành giáo dục và các ban, ngành, địa phương triển khai thực hiện có hiệu quả các mục tiêu, yêu cầu, nhiệm vụ, giải pháp của Chương trình và các hoạt động phòng, chống ma túy như: chủ động nắm tình hình địa bàn, nơi cư trú, phát hiện thanh, thiếu niên liên quan đến tệ nạn ma túy, vi phạm pháp luật về phòng, chống ma túy; lập danh sách thanh, thiếu niên sử dụng trái phép chất ma túy, nghiện ma túy để quản lý; hỗ trợ thanh, thiếu niên sau cai nghiện; thanh, thiếu niên chấp hành xong án phạt tù về tội phạm ma túy có việc làm ổn định, tái hòa nhập cộng đồng, phòng ngừa tái nghiện và vi phạm pháp luật; nâng cao hiệu quả công tác tuyên truyền phòng, chống ma túy phù hợp với tình hình hiện nay và trên địa bàn tỉnh.

b) Cụ thể hóa các nội dung, nhiệm vụ của Chương trình thành chỉ tiêu trong chương trình công tác Đoàn, công tác Đội, các phong trào thanh, thiếu niên hằng năm của các cấp bộ Đoàn; đưa vào kế hoạch kiểm tra, giám sát định kỳ, kịp thời phát hiện, xây dựng, nhân rộng các mô hình, cách làm hay, sáng tạo trong công tác phòng, chống ma túy trong thanh, thiếu niên; tổ chức tuyên dương, khen thưởng các tập thể, cá nhân có thành tích xuất sắc trong công tác phòng, chống ma túy trong thanh, thiếu niên.

c) Huy động nguồn lực, phát huy hiệu quả Quỹ hỗ trợ thanh niên khởi nghiệp và các nguồn vốn khác từ Chương trình hỗ trợ thanh niên khởi nghiệp giai đoạn 2022 - 2030 phục vụ triển khai Chương trình.

d) Chủ trì tham mưu, tổ chức triển khai thực hiện các Dự án trong Chương trình (sau khi được phê duyệt) theo hướng dẫn của Trung ương Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh:

- Dự án 1: “Tăng cường công tác truyền thông về phòng, chống ma túy trong thanh, thiếu niên”.

- Dự án 2: “Triển khai các Đội Thanh niên xung kích tham gia phòng, chống ma túy tại địa bàn cơ sở”.

14. Đề nghị Viện kiểm sát nhân dân tỉnh, Tòa án nhân dân tỉnh

a) Nâng cao chất lượng xem xét, giải quyết hồ sơ đề nghị đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc người từ đủ 12 tuổi đến dưới 18 tuổi. Phối hợp xây dựng chỉ tiêu, thu thập thông tin thống kê và chia sẻ thông tin về tình hình người dưới 18 tuổi phạm tội về ma túy và đưa người nghiện ma túy từ đủ 12 tuổi đến dưới 18 tuổi vào cơ sở cai

nghiệm bắt buộc. Thường xuyên tổ chức các phiên tòa giả định, phiên tòa rút kinh nghiệm góp phần nâng cao chất lượng xét xử và hiệu quả công tác tuyên truyền phòng ngừa tội phạm ma túy trong thanh, thiếu niên.

b) Tăng cường công tác đào tạo, tập huấn, bồi dưỡng kiến thức nghiệp vụ chuyên sâu, đặc thù cho kiểm sát viên, thẩm phán về kỹ năng xử lý các vụ việc, vụ án về ma túy có liên quan đến thanh, thiếu niên, phù hợp với đặc điểm tâm sinh lý của đối tượng đấu tranh, xử lý.

15. Các sở, ban, ngành, cơ quan trực thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, các cơ quan ngành dọc đóng trên địa bàn tỉnh

Chỉ đạo tăng cường công tác quản lý, phát triển thanh niên ở cơ quan, đơn vị; phối hợp triển khai có hiệu quả các nội dung của Chương trình theo chức năng, nhiệm vụ, lĩnh vực phụ trách lồng ghép các hoạt động chuyên môn của đơn vị.

16. Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố

a) Tham mưu Huyện ủy, Thành ủy ban hành Nghị quyết, Chương trình hành động tăng cường lãnh đạo, chỉ đạo công tác phòng, chống ma túy trong thanh, thiếu niên đối với các địa phương có tình hình tội phạm và tệ nạn ma túy trong thanh, thiếu niên diễn biến phức tạp.

b) Xây dựng kế hoạch triển khai Chương trình, trong đó phân công nhiệm vụ, gắn trách nhiệm cụ thể cho các phòng, ban, ngành, phường, xã, thị trấn thực hiện; tăng cường kiểm tra, đôn đốc, giám sát thực hiện Chương trình.

c) Lồng ghép nội dung công tác phòng, chống ma túy trong thanh, thiếu niên với các chương trình, đề án, dự án bảo đảm an sinh xã hội, phát triển kinh tế - xã hội khác tại địa phương.

d) Chỉ đạo rà soát, thanh loại những mô hình, câu lạc bộ phòng, chống tội phạm, phòng, chống ma túy hoạt động theo hình thức, không hiệu quả và phổ biến, nhân rộng các mô hình, điển hình tiên tiến trong công tác phòng, chống ma túy. Kịp thời khen thưởng những tập thể, cá nhân có thành tích xuất sắc trong công tác phòng, chống ma túy.

đ) Quan tâm bố trí kinh phí của địa phương và huy động các nguồn lực tài chính hợp pháp khác để triển khai thực hiện có hiệu quả Chương trình.

IV. KINH PHÍ THỰC HIỆN

1. Kinh phí thực hiện Chương trình do ngân sách nhà nước cấp từ nguồn kinh phí của Chương trình phòng, chống ma túy giai đoạn 2021 - 2025 ban hành theo Quyết định số 1452/QĐ-TTg ngày 31 tháng 8 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ và Chiến lược phát triển thanh niên Việt Nam giai đoạn 2021 - 2030 ban hành theo Quyết định số 1331/QĐ-TTg ngày 24 tháng 7 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ; các nguồn kinh phí thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia có liên quan và các nguồn kinh phí hợp pháp khác.

2. Hàng năm, căn cứ nhiệm vụ được giao tại Kế hoạch, các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố có liên quan có trách nhiệm lập dự toán kinh phí thực hiện Chương trình và tổng hợp chung vào dự toán của sở, ngành, địa phương

mình để trình cấp có thẩm quyền bố trí kinh phí theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước, Luật Đầu tư công và các văn bản hướng dẫn thi hành.

V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Các sở, ngành, đoàn thể và Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao, xây dựng Kế hoạch triển khai thực hiện có hiệu quả các mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp của Kế hoạch này và gửi về Công an tỉnh tập hợp, theo dõi **trước ngày 22/4/2024**. Định kỳ (6 tháng và hàng năm), sơ kết giữa kỳ và tổng kết có báo cáo gửi về Ủy ban nhân dân tỉnh (qua Công an tỉnh) để theo dõi và tổng hợp báo cáo Thủ tướng Chính phủ theo quy định.

2. Công an tỉnh - Cơ quan Thường trực công tác phòng, chống ma túy chủ trì, phối hợp Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh tỉnh và các ngành liên quan tổ chức hướng dẫn, kiểm tra, đôn đốc, giám sát, đánh giá việc triển khai thực hiện Kế hoạch này; xây dựng báo cáo kết quả thực hiện; kịp thời báo cáo đề xuất điều chỉnh các mục tiêu, nhiệm vụ của Kế hoạch cho phù hợp với tình hình thực tế; tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức sơ kết, tổng kết và báo cáo tình hình, kết quả thực hiện Chương trình theo quy định.

3. Đề nghị Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh tỉnh tham mưu triển khai, tổ chức thực hiện các Dự án trong Chương trình theo hướng dẫn của Trung ương Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh.

Trên đây là Kế hoạch thực hiện Chương trình phòng, chống ma túy trong thanh, thiếu niên đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh Đồng Nai, Ủy ban nhân dân tỉnh yêu cầu các sở, ngành, cơ quan, đơn vị, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố nghiêm túc triển khai thực hiện./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
Q. CHỦ TỊCH

Võ Tấn Đức

VĂN PHÒNG UBND TỈNH ĐỒNG NAI XUẤT BẢN

Địa chỉ: Số 02 Nguyễn Văn Trị, P. Thanh Bình,

TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

Điện thoại: 02513.941869

Email: congbao@dongnai.gov.vn

Website: <http://congbao.dongnai.gov.vn>